

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT**

---

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**TÊN CHƯƠNG TRÌNH**  
**MARKETING**  
**MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO: 7340115**

**TP. Hồ Chí Minh, năm 2019**

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số .... ngày ...tháng....năm...  
của Hiệu trưởng trường đại học Kinh tế-Luật)

### 1) THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên chương trình: **MARKETING**
- Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**
- Ngành đào tạo: **MARKETING**
- Mã ngành đào tạo: **7340115**
- Loại hình đào tạo: **CHÍNH QUI TẬP TRUNG**
- Thời gian đào tạo: 4 năm

### 2) MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 2.1) Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của Chương trình đào tạo là cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, tự nhiên, xã hội và nhân văn và chuyên ngành marketing giúp họ có tư duy hệ thống logic, khả năng chuyển tải kiến thức thành những kỹ năng nghề nghiệp, tố chất cá nhân, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, phản biện và tư vấn chính sách, kỹ năng giao tiếp và thiết lập những mối quan hệ thành công trong các lĩnh vực quản lý và marketing. Đồng thời, giúp người học xây dựng những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp, có khả năng thiết kế, vận hành và quản lý các ý tưởng kinh doanh và marketing tự lập thân, lập nghiệp, và cơ hội học tập suốt đời.

Kết quả học tập mong đợi của Chương trình đào tạo cử nhân Marketing trong trường Đại học Kinh tế-Luật, ĐHQG-HCM được xây dựng ở cấp độ 3, bao gồm các khía cạnh chi tiết và cụ thể: kiến thức cơ bản và lập luận ngành, kỹ năng chuyên môn và tố chất cá nhân, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, cũng như phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp hướng tới mục tiêu học tập suốt đời cho người học.

Trên cơ sở đó, sinh viên tốt nghiệp có khả năng sáng tạo các ý tưởng về kinh doanh (conceiving – C), triển khai xây dựng các phương án, dự án trong kinh doanh và marketing

(design – D), và tổ chức thực hiện các phương án, dự án đó (implement – I), cũng như đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh và marketing (evaluate – E) đặt trong các bối cảnh về xã hội và ngoại cảnh, bối cảnh về doanh nghiệp và lĩnh vực kinh doanh cụ thể. Các năng lực có được từ Chương trình đào tạo cử nhân Marketing đạt chuẩn quốc tế giúp người học có thể vận dụng linh hoạt vào thực tiễn đời sống trong môi trường sản xuất và kinh doanh mang tính toàn cầu, gọi tắt là C-D-I-E.

## **2.2) Mục tiêu cụ thể**

Mục tiêu cụ thể của Chương trình đào tạo nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và năng lực sau:

### *1. Kiến thức và lập luận ngành*

- 1.1. Có kiến thức toán và khoa học cơ bản (khoa học Tự nhiên, Xã hội và Nhân văn)
- 1.2. Có kiến thức cơ sở trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh
- 1.3. Có kiến thức chuyên ngành marketing

### *2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp*

- 2.1. Có kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề
- 2.2. Có kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện chính sách kinh doanh và marketing
- 2.3. Có tư duy tầm hệ thống
- 2.4. Có thái độ, tư tưởng và học tập
- 2.5. Có đạo đức, công bằng và các trách nhiệm xã hội

### *3. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp*

- 3.1. Có kỹ năng làm việc nhóm
- 3.2. Có kỹ năng giao tiếp
- 3.3. Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ

### *4. Năng lực thực hành nghề nghiệp*

- 4.1. Có năng lực nhận thức trong bối cảnh xã hội
- 4.2. Có năng lực thực hành trong bối cảnh doanh nghiệp, kinh doanh và marketing
- 4.3. Có năng lực khởi nghiệp

## **3) CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VÀ KHẢ NĂNG LÀM VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

Định hướng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp Chương trình cử nhân Marketing theo 3 nhóm ngành nghề chính:

**Nhóm 1: Chuyên viên phân tích, dự báo, tư vấn chính sách hoặc chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực Marketing.** Những chuyên viên có kiến thức và đam mê Marketing, trong tương lai sẽ là chuyên Marketing cao cấp trong các doanh nghiệp ở các vị trí có liên quan đến Marketing và Kinh doanh. Những chuyên viên cao cấp này có khả năng thích ứng

trong bối cảnh công việc có tính cạnh tranh cao, có đủ năng lực làm việc tại các tổ chức, các doanh nghiệp, có khả năng hoạch định, điều hành, tổ chức thực hiện và quản lý các dự án Marketing; có đủ năng lực đảm nhận các chức vụ lãnh đạo từ cấp phòng, ban trong tổ chức, cũng như các chương trình, dự án thuộc các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, tổ chức của Chính phủ và phi chính phủ cả ở trong và ngoài nước. Những chuyên viên này sẽ hoạt động trong các lĩnh vực của Marketing như sau:

- Lĩnh vực quản trị thương hiệu và quản trị chiến lược (Brand Management, Strategic Marketing): Chuyên viên hay trợ lý phụ trách các hoạt động quản trị thương hiệu, quản trị chiến lược Marketing, chiến lược sản phẩm (Marketing executive, Assistant brand manager, Assistant Group brand manager, Strategic Marketing supervisor,...) trong các DN thuộc mọi thành phần kinh tế.
- Lĩnh vực quảng cáo và quan hệ công chúng (Advertising và Public Relations): Hoạt động trong các công ty truyền thông, các công ty quảng cáo, các tổ chức có liên quan đến hoạt động quảng cáo như truyền hình, báo chí (PR executive, PR supervisor, Trade Marketing executive, Media coordinator, Account executive,...).
- Lĩnh vực dịch vụ chăm sóc khách hàng (Customer services): Hoạt động trong các bộ phận phụ trách chăm sóc khách hàng, quản lý ngân hàng khách hàng (CRM), đề ra các chiến lược để làm hài lòng khách hàng (Customer relationship executive, Assistant Customer relationship manager,...).
- Lĩnh vực nghiên cứu và phát triển thị trường (Research and Development): Hoạt động trong bộ phận nghiên cứu và phát triển thị trường, sản phẩm của doanh nghiệp hoặc trong các công ty tư vấn chuyên cung cấp dịch vụ tư vấn phát triển thị trường (Market analyst, Marketing research supervisor,...).
- Lĩnh vực quản lý kênh phân phối (Supply Chain and Distribution): Làm việc trong các bộ phận quản trị chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, siêu thị, các trung tâm chế xuất,...(Supply chain admin,...).
- Lĩnh vực bán hàng (Sales): Làm việc tại bộ phận bán hàng của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần (sale executive, sale admin,...).

- Sau 2 năm công tác, với kiến thức về Marketing được đào tạo tốt ở trường ĐH cộng với trải nghiệm thực tế, sinh viên tốt nghiệp ngành Marketing, ĐH Kinh tế - Luật sẽ nhanh chóng giữ các vị trí quan trọng như: quản lý thương hiệu sản phẩm, quản lý thương hiệu, trợ lý giám đốc Marketing, quản lý một mảng hoạt động Marketing hay quản lý nhóm thương hiệu sản phẩm

**Nhóm 2: Chủ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.** Khi tốt nghiệp sinh viên có thể là chuyên viên có năng lực, tiến tới trở thành chuyên gia có trình độ cao, có năng lực kinh doanh

và tổ chức quản lý một doanh nghiệp, có đam mê và tinh thần sẵn sàng khởi nghiệp sáng tạo, trong tương lai sẽ đi theo thiên hướng trở thành những chủ doanh nghiệp có trí tuệ và bản lĩnh kinh doanh, tự lập thân, lập nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp chương trình giáo dục ngành Marketing hoàn toàn có khả năng tự kinh doanh từ những dự án nhỏ, đặc biệt là trong các lĩnh vực hoạt động sau: Viết bài PR, Marketing kỹ thuật số, thiết kế nhận dạng thương hiệu, nghiên cứu thị trường...

**Nhóm 3: Giảng viên và nghiên cứu viên.** Sau khi tốt nghiệp, cử nhân tốt nghiệp chương trình giáo dục ngành Marketing có thể làm trợ giảng, tham gia học tập nâng cao trình độ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, hoặc tiến tới trở thành các giảng viên tại các trường đại học; chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu.

#### 4) ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Khôi tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

#### 5) CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| Số TT      | Chuẩn đầu ra                                                                                                      | Trình độ năng lực |                |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------|
|            |                                                                                                                   | Thang đo UEL      | Thang đo Bloom |
| <b>1.</b>  | <b>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH</b>                                                                                |                   |                |
| <b>1.1</b> | <b>Kiến thức toán và khoa học cơ bản</b> (khoa học Tự nhiên, Xã hội và Nhân văn)                                  |                   |                |
| 1.1.1      | Có phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh                                       | 3,5               | 4,5            |
| 1.1.2      | Có kiến thức toán, thống kê và khoa học tự nhiên để giải quyết vấn đề kinh tế và kinh doanh                       | 3,5               | 4,5            |
| 1.1.3      | Có kiến thức khoa học xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh                           | 3,5               | 4,5            |
| <b>1.2</b> | <b>Kiến thức cơ sở trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh</b>                                                       |                   |                |
| 1.2.1      | Có kiến thức về kinh tế vi mô, vĩ mô, quản trị, marketing và kinh doanh                                           | 3,5               | 4,5            |
| 1.2.2      | Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh                                  | 3,5               | 4,5            |
| 1.2.3      | Có kiến thức về phương pháp nghiên cứu và phân tích, xử lý dữ liệu để giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh | 3,5               | 4,5            |
| <b>1.3</b> | <b>Kiến thức chuyên ngành marketing</b>                                                                           |                   |                |
| 1.3.1      | Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị và marketing trong tổ chức          | 4,0               | 4,5            |
| 1.3.2      | Có kiến thức cơ bản về hoạch định, quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng về marketing   | 4,0               | 4,5            |
| 1.3.3      | Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp                                     | 4,0               | 4,5            |

| Số TT      | Chuẩn đầu ra                                                                                                                | Trình độ năng lực |                |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------|
|            |                                                                                                                             | Thang đo UEL      | Thang đo Bloom |
| 1.3.4      | Có kiến thức để xây dựng chiến lược, chính sách và tổ chức hoạt động marketing                                              | 4,0               | 4,5            |
| <b>2.</b>  | <b>KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>                                                                            |                   |                |
| <b>2.1</b> | <b>Kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề</b>                                                                     |                   |                |
| 2.1.1      | Có kỹ năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh và marketing                                            | 3,5               | 4,0            |
| 2.1.2      | Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp các vấn đề trong sản xuất, kinh doanh và marketing                                 | 4,0               | 4,5            |
| 2.1.3      | Có kỹ năng lập kế hoạch và đưa ra giải pháp, kiến nghị để hiện các phương án, dự án trong sản xuất, kinh doanh và marketing | 4,0               | 4,5            |
| <b>2.2</b> | <b>Kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện chính sách marketing</b>                                                               |                   |                |
| 2.2.1      | Có kỹ năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động marketing                                                 | 4,0               | 4,5            |
| 2.2.2      | Có kỹ năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về marketing                                                           | 4,0               | 4,5            |
| 2.2.3      | Có kỹ năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong marketing                                                                   | 4,0               | 4,5            |
| <b>2.3</b> | <b>Tư duy tầm hệ thống</b>                                                                                                  |                   |                |
| 2.3.1      | Có tư duy hệ thống và toàn diện khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp                                              | 4,0               | 4,5            |
| 2.3.2      | Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh, xác định yếu tố trọng tâm và khả năng tương tác trong hệ thống                  | 4,0               | 4,5            |
| 2.3.3      | Có khả năng phân tích, đánh giá và chọn giải pháp hợp lý trong marketing                                                    | 4,0               | 4,5            |
| <b>2.4</b> | <b>Thái độ, tư tưởng và học tập</b>                                                                                         |                   |                |
| 2.4.1      | Có thái độ và tư tưởng sẵn sàng quyết định chấp nhận rủi ro, kiên trì và linh hoạt                                          | 4,0               | 4,5            |
| 2.4.2      | Có tư duy sáng tạo                                                                                                          | 4,0               | 4,5            |
| 2.4.3      | Có thái độ và khả năng học tập và rèn luyện suốt đời                                                                        | 4,0               | 4,5            |
| 2.4.4      | Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực có hiệu quả                                                                      | 4,0               | 4,5            |
| <b>2.5</b> | <b>Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm xã hội</b>                                                                         |                   |                |
| 2.5.1      | Có đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội                                                                                | 4,0               | 4,0            |
| 2.5.2      | Có hành vi ứng xử chuyên nghiệp                                                                                             | 4,0               | 4,0            |
| 2.5.3      | Biết chủ động cho tương lai và dự kiến cho cuộc đời                                                                         | 4,0               | 4,0            |
| 2.5.4      | Có thể tin tưởng và trung thành với tổ chức                                                                                 | 4,0               | 4,0            |
| <b>3</b>   | <b>KỸ NĂNG LÀM VIỆC THEO NHÓM VÀ GIAO TIẾP</b>                                                                              |                   |                |
| <b>3.1</b> | <b>Kỹ năng làm việc nhóm</b>                                                                                                |                   |                |
| 3.1.1      | Có kỹ năng hình thành và tổ chức nhóm hiệu quả                                                                              | 4,0               | 4,5            |
| 3.1.2      | Có kỹ năng hoạt động nhóm đạt được mục tiêu                                                                                 | 4,0               | 4,5            |
| 3.1.3      | Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm                                                                                      | 4,0               | 4,5            |
| 3.1.4      | Có kỹ năng hợp tác đa ngành và liên ngành                                                                                   | 4,0               | 4,5            |
| <b>3.2</b> | <b>Kỹ năng giao tiếp</b>                                                                                                    |                   |                |

| Số TT      | Chuẩn đầu ra                                                                          | Trình độ năng lực |                |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------|
|            |                                                                                       | Thang đo UEL      | Thang đo Bloom |
| 3.2.1      | Có kỹ năng thiết lập chiến lược giao tiếp                                             | 4,0               | 4,5            |
| 3.2.2      | Có kỹ năng thiết lập một cấu trúc giao tiếp hiệu quả với đối tác, khách hàng          | 4,0               | 4,5            |
| 3.2.3      | Có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản và các phương thức giao tiếp khác một cách hiệu quả | 4,0               | 4,5            |
| 3.2.4      | Có kỹ năng lắng nghe, đối thoại và trình bày trước cộng đồng và khách hàng            | 4,0               | 4,5            |
| 3.2.5      | Có kỹ năng đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột                                 | 4,0               | 4,5            |
| 3.2.6      | Có kỹ năng thiết lập các mối quan hệ có hiệu quả                                      | 4,0               | 4,5            |
| <b>3.3</b> | <b>Kỹ năng và khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ</b>                                   |                   |                |
| 3.3.1      | Có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh (500 TOEIC)                             | 3,5               | 4,0            |
| 3.3.2      | Có khả năng giao tiếp bằng một ngôn ngữ khác                                          | 3,5               | 4,0            |
| <b>4</b>   | <b>NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP</b>                                                 |                   |                |
| <b>4.1</b> | <b>Năng lực nhận thức trong bối cảnh xã hội</b>                                       |                   |                |
| 4.1.1      | Có năng lực nhận thức được vai trò và trách nhiệm của nhà marketing trước cộng đồng   | 4,0               | 4,5            |
| 4.1.2      | Có khả năng nhận thức được bối cảnh lịch sử và văn hóa                                | 3,5               | 4,0            |
| 4.1.3      | Có khả năng nhận thức được các vấn đề và giá trị đương đại                            | 3,5               | 4,0            |
| 4.1.4      | Có khả năng phát triển một quan điểm toàn cầu                                         | 4,0               | 4,5            |
| 4.1.5      | Có khả năng nhận thức được tính bền vững và nhu cầu phát triển bền vững               | 4,0               | 4,5            |
| <b>4.2</b> | <b>Năng lực thực hành trong bối cảnh doanh nghiệp, kinh doanh và marketing</b>        |                   |                |
| 4.2.1      | Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức, văn hóa địa phương và cộng đồng           | 3,5               | 4,0            |
| 4.2.2      | Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức                                   | 3,5               | 4,0            |
| 4.2.3      | Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa                            | 3,5               | 4,0            |
| 4.2.4      | Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh và marketing                        | 3,5               | 4,0            |
| <b>4.3</b> | <b>Năng lực khởi nghiệp</b>                                                           |                   |                |
| 4.3.1      | Có năng lực sáng lập và điều hành các doanh nghiệp                                    | 4,0               | 4,5            |
| 4.3.2      | Có năng lực hoạch định vốn và tài chính cho các doanh nghiệp                          | 4,0               | 4,5            |
| 4.3.3      | Có năng lực nghiên cứu thị trường, thiết kế các sản phẩm marketing cho doanh nghiệp   | 4,0               | 4,5            |
| 4.3.4      | Có năng lực marketing sản phẩm một cách sáng tạo                                      | 4,0               | 4,5            |

| Trình độ năng lực | Mô tả                        |
|-------------------|------------------------------|
| 0.0 -> 2.0        | Có biết qua/có nghe qua      |
| 2.0 ->3.0         | Có hiểu biết có thể tham gia |
| 3.0 ->3.5         | Có khả năng ứng dụng         |
| 3.5 ->4.0         | Có khả năng phân tích        |
| 4.0 -> 4.5        | Có khả năng tổng hợp         |
| 4.5 ->5.0         | Có khả năng đánh giá         |

## **6) QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

### **6.1) Quy trình đào tạo**

Học chế đào tạo: Theo Hệ thống Tín chỉ

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục cơ bản: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3.
- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: học kỳ 4.
- Khối kiến thức ngành: học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp: học kỳ 8.

Ngoài ra, Chứng chỉ Ngoại ngữ, Chứng chỉ Giáo dục thể chất và Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng bắt buộc sinh viên phải tích lũy trước khi nhận bằng tốt nghiệp.

### **6.2) Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên Hệ chính quy của trường Đại học Kinh tế-Luật theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Hoàn tất các môn học theo đúng Chương trình giáo dục quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo (gồm Khóa luận tốt nghiệp, thi các môn chuyên đề thêm tương đương với số Tín chỉ của Khóa luận tốt nghiệp), không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có Điểm trung bình chung tích lũy không dưới 5; không giới hạn thời gian tối thiểu, nhưng tối đa không quá 6 năm học.
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của ĐHQG-HCM và của trường (trừ trường hợp các lưu học sinh nước ngoài tuân theo Quy chế Công tác người nước ngoài học tại Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 33/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 8 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT);
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

7) **THANG ĐIỂM:** Sử dụng thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân

8) **KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** 130 Tín chỉ (không kể phần kiến thức: ngoại ngữ - 20TC, giáo dục thể chất – 5 TC và giáo dục quốc phòng – 8TC)

| Hệ đào tạo        | Thời gian đào tạo (năm) | Tổng khối lượng kiến thức | Kiến thức cơ bản | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp |             |              |        | TTCK, KLTN hoặc các HPCĐ | Phân bổ theo bắt buộc và tự chọn |                    |                          | Ghi chú                                                                                                              |
|-------------------|-------------------------|---------------------------|------------------|----------------------------------|-------------|--------------|--------|--------------------------|----------------------------------|--------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                   |                         |                           |                  | Toàn bộ                          | Cơ sở ngành | Chuyên ngành | Bổ trợ |                          | Bắt buộc                         | Tự chọn            |                          |                                                                                                                      |
|                   |                         |                           |                  |                                  |             |              |        |                          |                                  | Yêu cầu trong CTĐT | Được liệt kê để lựa chọn |                                                                                                                      |
| Đại học chính quy | 4                       | 130                       | 36               | 86                               | 32          | 43           | 11     | 4+4                      | 95                               | 35                 | 61                       | Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ (20TC), giáo dục thể chất (5 TC), giáo dục quốc phòng (165 tiết, tương đương 8TC) |
|                   |                         | Tỷ lệ (%)                 | 27,7             | 66,1                             | 24,6        | 33,1         | 8,4    | 6,2                      | -                                | -                  | -                        |                                                                                                                      |

## 9) NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1) **Khối kiến thức cơ bản: 36 TC (25 TC bắt buộc + 11 TC tự chọn)**

9.1.1) **Lý luận chính trị: 11 tín chỉ**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC                    | TÍN CHỈ   |           |       |         |
|-----|------------|--------------------------------|-----------|-----------|-------|---------|
|     |            |                                | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | GHI CHÚ |
|     |            | <b>Các môn học bắt buộc</b>    | 11        |           |       |         |
| 1   | GEN1007    | Triết học Mác – Lênin          | 3         |           |       |         |
| 2   | GEN        | Kinh tế chính trị Mác – Lênin  | 2         |           |       |         |
| 3   | GEN1010    | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | 2         |           |       |         |
| 4   | GEN1109    | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | 2         |           |       |         |
| 5   | GEN1003    | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | 2         |           |       |         |

9.1.2) **Nhân văn- Kỹ năng: 4 tín chỉ**

| STT                       | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ   |           |       |      |
|---------------------------|------------|-------------|-----------|-----------|-------|------|
|                           |            |             | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| Không có môn học bắt buộc |            |             |           |           |       |      |
|                           |            |             |           |           |       |      |

|                               |         |                                 |          |          |  |  |
|-------------------------------|---------|---------------------------------|----------|----------|--|--|
| <b>Các môn tự chọn (4 TC)</b> |         |                                 | <b>4</b> | <b>4</b> |  |  |
| 1                             | GEN1101 | Tâm lý học                      | 2        | 2        |  |  |
|                               | GEN1102 | Nhập môn khoa học giao tiếp     | 2        | 2        |  |  |
|                               | GEN1108 | Nhân học đại cương              | 2        | 2        |  |  |
| 2                             | ECO1003 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2        | 2        |  |  |
|                               | BUS1303 | Kỹ năng làm việc nhóm           | 2        | 2        |  |  |
|                               | GEN1111 | Thực hành tiếng Việt            | 2        | 2        |  |  |

9.1.3) Khoa học xã hội: 4 tín chỉ

| STT                       | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC               | TÍN CHỈ   |           |       |      |
|---------------------------|------------|---------------------------|-----------|-----------|-------|------|
|                           |            |                           | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| Không có môn học bắt buộc |            |                           |           |           |       |      |
|                           |            |                           |           |           |       |      |
| Các môn tự chọn (4 TC)    |            |                           | 4         | 4         |       |      |
| 1                         | GEN1106    | Xã hội học                | 2         | 2         |       |      |
|                           | GEN1105    | Văn hóa học               | 2         | 2         |       |      |
|                           | GEN1110    | Cơ sở văn hóa Việt Nam    | 2         | 2         |       |      |
| 2                         | GEN1103    | Địa chính trị thế giới    | 2         | 2         |       |      |
|                           | GEN1104    | Quan hệ quốc tế           | 2         | 2         |       |      |
|                           | GEN1109    | Lịch sử văn minh thế giới | 2         | 2         |       |      |

9.1.4) Khoa học kinh tế: 9 tín chỉ

| STT                         | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC          | TÍN CHỈ   |           |       |      |
|-----------------------------|------------|----------------------|-----------|-----------|-------|------|
|                             |            |                      | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| Các môn học bắt buộc (9 TC) |            |                      | 9         | 9         |       |      |
| 1                           | ECO1001    | Kinh tế vi mô 1      | 3         | 3         |       |      |
| 2                           | ECO1002    | Kinh tế vĩ mô 1      | 3         | 3         |       |      |
| 3                           | BUS1100    | Quản trị học căn bản | 3         | 3         |       |      |

9.1.5) Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC            | TÍN CHỈ   |           |       |         |
|-----|------------|------------------------|-----------|-----------|-------|---------|
|     |            |                        | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | GHI CHÚ |
| 1   | ENG1001    | Tiếng Anh thương mại 1 | 5         | 4         | 1     |         |
| 2   | ENG1002    | Tiếng Anh thương mại 2 | 5         | 4         | 1     |         |
| 3   | ENG1003    | Tiếng Anh thương mại 3 | 5         | 4         | 1     |         |

|   |         |                        |   |   |   |  |
|---|---------|------------------------|---|---|---|--|
| 4 | ENG1004 | Tiếng Anh thương mại 4 | 5 | 4 | 1 |  |
|---|---------|------------------------|---|---|---|--|

*9.1.6) Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 2 tín chỉ*

| STT                         | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC      | TÍN CHỈ   |           |       |      |
|-----------------------------|------------|------------------|-----------|-----------|-------|------|
|                             |            |                  | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| Các môn học tự chọn (03 TC) |            |                  | 2         | 2         |       |      |
| 1                           | MIS1004    | Tin học ứng dụng | 2         | 2         |       |      |
| 2                           | GEN1107    | Logic học        | 2         | 3         |       |      |
| 3                           | MAT1004    | Kinh tế lượng    | 3         | 3         |       |      |

*9.1.7) Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ*

| STT                        | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC                   | TÍN CHỈ   |           |       |      |
|----------------------------|------------|-------------------------------|-----------|-----------|-------|------|
|                            |            |                               | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| Các môn học bắt buộc: 6 TC |            |                               | 6         | 6         |       |      |
| 1                          | LAW1001    | Lý luận nhà nước và pháp luật | 3         | 3         |       |      |
| 2                          | LAW1501    | Luật doanh nghiệp             | 3         | 3         |       |      |

i Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

ii Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (tương ứng với 8 tín chỉ)

**9.2) Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84 TC (68 TC bắt buộc + 16 TC tự chọn)**

*9.2.1) Khối kiến thức cơ sở của khối ngành Kinh tế- Quản lý: 20 tín chỉ*

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC                    | TÍN CHỈ   |           |       |      |
|-----|------------|--------------------------------|-----------|-----------|-------|------|
|     |            |                                | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
|     |            | <b>Các môn học bắt buộc</b>    | <b>20</b> |           |       |      |
| 1   | MAT1002    | Lý thuyết xác suất             | 2         |           |       |      |
| 2   | MAT1001    | Toán cao cấp                   | 5         |           |       |      |
| 3   | ACC1013    | Nguyên lý kế toán              | 3         |           |       |      |
| 4   | FIN 1101   | Nguyên lý thị trường tài chính | 3         |           |       |      |
| 5   | BUS 1200   | Marketing căn bản              | 3         |           |       |      |
| 6   | MIS 1005   | Hệ thống thông tin kinh doanh  | 2         |           |       |      |
| 7   | COM 1001   | Kinh tế quốc tế                | 2         |           |       |      |

*9.2.2) Khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành Quản lý: 12 tín chỉ*

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC                 | TÍN CHỈ   |           |       |      |
|-----|------------|-----------------------------|-----------|-----------|-------|------|
|     |            |                             | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
|     |            | <b>Các môn học bắt buộc</b> | <b>12</b> |           |       |      |
| 1   | ACC1023    | Thống kê ứng dụng           | 3         | 2         | 1     |      |

|   |                    |                                                |   |   |   |  |
|---|--------------------|------------------------------------------------|---|---|---|--|
| 2 | BUS1111<br>FIN1102 | Quản trị tài chính<br>(Tài chính doanh nghiệp) | 3 | 2 | 1 |  |
| 3 | BUS1105            | Quản trị chiến lược                            | 3 | 2 | 1 |  |
| 4 | ACC1013            | Kế toán tài chính                              | 3 | 2 | 1 |  |

9.2.3) Khối kiến thức chuyên ngành: 43 TC (36 TC bắt buộc + 7 TC tự chọn)

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC                       | TÍN CHỈ   |           |       |         |
|-----|------------|-----------------------------------|-----------|-----------|-------|---------|
|     |            |                                   | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | GHI CHÚ |
|     |            | <b>Các môn học bắt buộc</b>       | <b>36</b> |           |       |         |
| 1   | BUS 1202   | Hành vi khách hàng                | 3         |           |       |         |
| 2   | BUS 1205   | Quản trị Marketing                | 3         |           |       |         |
| 3   | BUS 1210   | Nghiên cứu Marketing              | 3         |           |       |         |
| 4   | BUS 1206   | Quản trị thương hiệu              | 3         |           |       |         |
| 5   | BUS 1212   | Marketing dịch vụ                 | 3         |           |       |         |
| 6   | BUS 1213   | Marketing quốc tế                 | 3         |           |       |         |
| 7   | BUS 1216   | Marketing kỹ thuật số             | 3         |           |       |         |
| 8   | BUS 1207   | Quản trị truyền thông             | 3         |           |       |         |
| 9   | BUS 1215   | Marketing công nghiệp             | 3         |           |       |         |
| 10  | BUS1300    | Nghệ thuật lãnh đạo               | 3         |           |       |         |
| 11  | BUS 1301   | Văn hóa doanh nghiệp              | 3         |           |       |         |
| 12  | BUS 1103   | Quản trị nguồn nhân lực           | 3         |           |       |         |
|     |            | <b>Các môn học tự chọn</b>        | <b>7</b>  |           |       |         |
| 1   | BUS 1116   | Quản trị bán hàng                 | 3         |           |       |         |
|     | BUS 1208   | Quản trị kênh phân phối           | 3         |           |       |         |
| 2   | BUS 1313   | Quan hệ công chúng                | 2         |           |       |         |
|     | BUS 1305   | Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh | 2         |           |       |         |
| 3   | BUS 1314   | Quảng cáo & Khuyến mãi            | 2         |           |       |         |
|     | MIS 1034   | Thương mại điện tử                | 2         |           |       |         |

9.2.4) Khối kiến thức bổ trợ: 11 TC (5 TC bắt buộc + 6 TC tự chọn)

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC                 | TÍN CHỈ   |           |       |         |
|-----|------------|-----------------------------|-----------|-----------|-------|---------|
|     |            |                             | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | GHI CHÚ |
|     |            | <b>Các môn học bắt buộc</b> | <b>5</b>  |           |       |         |
| 1   | BUS 1308   | Kỹ năng bán hàng            | 3         |           |       |         |
| 2   | BUS 1221   | Kiến tập                    | 2         |           |       |         |
|     |            | <b>Các môn học tự chọn</b>  | <b>6</b>  |           |       |         |
| 1   | LAW1502    | Luật hợp đồng               | 3         |           |       |         |
|     | LAW1504    | Luật sở hữu trí tuệ         | 3         |           |       |         |

|   |          |                      |   |  |  |  |
|---|----------|----------------------|---|--|--|--|
| 4 | COM1020  | Quản trị đa văn hóa  | 3 |  |  |  |
|   | BUS 1121 | Quản trị khởi nghiệp | 3 |  |  |  |

**9.3) Thực tập tốt nghiệp, học phần chuyên môn hoặc khóa luận tốt nghiệp: 8 tín chỉ**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC                  | TÍN CHỈ   |           |       |         |
|-----|------------|------------------------------|-----------|-----------|-------|---------|
|     |            |                              | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | GHI CHÚ |
| 1   | BUS 1000   | Thực tập                     | 4         |           |       |         |
| 2   | BUS 1001   | Khóa luận tốt nghiệp         | 4         |           |       |         |
|     | BUS 1220   | Chiến lược Marketing đa kênh | 2         | 1         | 1     |         |
|     | BUS 1204   | Lập kế hoạch Marketing       | 2         | 1         | 1     |         |

**Ghi chú:**

- Tất cả sinh viên đều phải đi thực tập chuyên môn cuối khóa, hoàn tất báo cáo thực tập, tương đương 4 TC.
- Sinh viên chọn làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn học phần chuyên môn (6 tín chỉ). Khóa luận thực hiện trong học kỳ 8. Khóa luận tốt nghiệp sẽ bảo vệ trước Hội đồng. Các học phần chuyên môn học trong học kỳ 7.

**10) KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: Theo từng học kỳ**

**HỌC KỲ I – 17 TC**

| Số TT | Mã MH   | MÔN HỌC                       | Tín chỉ      |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-------|---------|-------------------------------|--------------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|       |         |                               | Tổng cộng    | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
|       |         | <b>Môn học bắt buộc</b>       | <b>13</b>    | <b>13</b> |           |                      |               |
| 1     | GEN1008 | Tư tưởng Hồ Chí Minh          | 2            | 2         |           |                      |               |
| 2     | ECO1001 | Kinh tế vi mô 1               | 3            | 3         |           |                      |               |
| 3     | LAW1001 | Lý luận nhà nước và pháp luật | 3            | 3         |           |                      |               |
| 4     | MAT1001 | Toán cao cấp (5TC)            | 5            | 5         |           |                      |               |
|       |         | <b>Môn học tự chọn</b>        | <b>4</b>     | <b>4</b>  |           |                      |               |
| 5     | GEN1103 | Địa chính trị thế giới        | 3 môn chọn 1 | 2         | 2         |                      |               |
|       | GEN1104 | Quan hệ quốc tế               |              | 2         | 2         |                      |               |
|       | GEN1109 | Lịch sử văn minh thế giới     |              | 2         | 2         |                      |               |
| 6     | GEN1105 | Văn hóa học                   | 3 môn chọn 1 | 2         | 2         |                      |               |
|       | GEN1106 | Xã hội học                    |              | 2         | 2         |                      |               |
|       | GEN1110 | Cơ sở văn hóa Việt Nam        |              | 2         | 2         |                      |               |
| 7     | GEN1004 | Giáo dục thể chất 1           | 3            | 3         |           |                      |               |

## HỌC KỲ II – 19 TC

| Số TT | Mã MH    | MÔN HỌC                 |              | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-------|----------|-------------------------|--------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|       |          |                         |              | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
|       |          | <b>Môn học bắt buộc</b> |              | <b>17</b> | <b>17</b> |           |                      |               |
| 1     | GEN1007  | Triết học Mác – Lênin   |              | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2     | LAW1501  | Luật doanh nghiệp       |              | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3     | ECO1002  | Kinh tế vĩ mô 1         |              | 3         | 3         |           |                      | ECO1001       |
| 4     | ACC1013  | Nguyên lý kế toán       |              | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5     | BUS 1100 | Quản trị học căn bản    |              | 3         | 3         |           |                      |               |
| 6     | MAT1002  | Lý thuyết xác suất      |              | 2         | 2         |           |                      | MAT1001       |
|       |          | <b>Môn học tự chọn</b>  |              | <b>2</b>  | <b>2</b>  |           |                      |               |
| 7     | GEN1101  | Tâm lý học              | 3 môn chọn 1 | 2         | 2         |           |                      |               |
|       | GEN1102  | Nhập môn giao tiếp      |              | 2         | 2         |           |                      |               |
|       | GEN1108  | Nhân học đại cương      |              | 2         | 2         |           |                      |               |
| 8     | GEN1005  | Giáo dục thể chất 2     |              | 2         | 2         |           |                      |               |
| 9     | GEN1006  | Giáo dục QP (4 tuần)    |              | 165t      |           |           |                      |               |

## HỌC KỲ III - 16 TC

| Stt | Mã MH    | MÔN HỌC                        |              | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |                               |
|-----|----------|--------------------------------|--------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|-------------------------------|
|     |          |                                |              | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi                 |
|     |          | <b>Môn học bắt buộc</b>        |              | <b>14</b> | <b>14</b> |           |                      |                               |
| 1   | GEN1109  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |              | 2         | 2         |           |                      |                               |
| 2   | ACC1023  | Kế toán tài chính              |              | 3         | 3         |           |                      | ACC1013                       |
| 3   | BUS 1200 | Marketing căn bản              |              | 3         | 3         |           |                      |                               |
| 4   | FIN1101  | Nguyên lý thị trường tài chính |              | 3         | 3         |           |                      | ECO1001<br>ECO1002            |
| 5   | MAT1003  | Thống kê ứng dụng              |              | 3         | 3         |           |                      | MAT1001<br>MAT1002            |
|     |          | <b>Môn học tự chọn</b>         |              | <b>2</b>  |           |           |                      |                               |
| 6   | MIS1004  | Tin học ứng dụng               | 3 môn chọn 1 | 2         | 1         | 1         |                      |                               |
|     | GEN1107  | Logic học                      |              | 2         | 2         |           |                      |                               |
|     | MAT1004  | Kinh tế lượng                  |              | 3         | 3         |           |                      | MAT1001<br>MAT1002<br>MAT1003 |

## HỌC KỲ IV - 20 TC

| Stt | Mã MH   | MÔN HỌC                        |  | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-----|---------|--------------------------------|--|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|     |         |                                |  | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
|     |         | <b>Môn học bắt buộc</b>        |  | <b>15</b> | <b>14</b> | <b>1</b>  |                      |               |
| 1   | GEN     | Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin |  | 2         | 2         |           |                      |               |
| 2   | COM1001 | Kinh tế quốc tế                |  | 2         | 2         |           |                      |               |

|   |                     |                                             |                 |          |   |  |                                              |
|---|---------------------|---------------------------------------------|-----------------|----------|---|--|----------------------------------------------|
| 3 | BUS 1111<br>FIN1102 | Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp) | 3               | 3        |   |  | FIN1101                                      |
| 4 | MIS1005             | Hệ thống thông tin kinh doanh               | 2               | 1        | 1 |  |                                              |
| 5 | BUS 1105            | Quản trị chiến lược                         | 3               | 3        |   |  | BUS 1100<br>BUS 1200<br>BUS 1202<br>BUS 1210 |
| 6 | BUS 1300            | Nghệ thuật lãnh đạo                         | 3               | 3        |   |  | BUS 1100                                     |
|   |                     | <b>Môn học tự chọn chuyên sâu (nếu có)</b>  | <b>5</b>        | <b>5</b> |   |  |                                              |
| 7 | ECO1003             | Phương pháp nghiên cứu khoa học             | 3 môn<br>chọn 1 | 2        | 2 |  |                                              |
|   | BUS 1303            | Kỹ năng làm việc theo nhóm                  |                 | 2        | 2 |  |                                              |
|   | GEN1111             | Thực hành văn bản tiếng Việt                |                 | 2        | 2 |  |                                              |
| 8 | COM1020             | Quản trị đa văn hóa                         | 2 môn<br>chọn 1 | 3        | 3 |  |                                              |
|   | BUS1121             | Quản trị khởi nghiệp                        |                 | 3        | 3 |  |                                              |

### HỌC KỲ V - 18 TC

| Số TT | Mã MH   | MÔN HỌC                                    |                 | Tín chỉ   |                |           | Điều kiện tiên quyết |                      |
|-------|---------|--------------------------------------------|-----------------|-----------|----------------|-----------|----------------------|----------------------|
|       |         |                                            |                 | Tổng cộng | Lý thuyết      | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi        |
|       |         | <b>Môn học bắt buộc</b>                    |                 | <b>15</b> |                |           |                      |                      |
| 1     | BUS1205 | Quản trị Marketing                         |                 | 3         |                |           |                      | BUS 1200<br>BUS 1202 |
| 2     | BUS1202 | Hành vi khách hàng                         |                 | 3         |                |           |                      | BUS 1100<br>BUS 1200 |
| 3     | BUS1103 | Quản trị nguồn nhân lực                    |                 | 3         |                |           |                      | BUS 1100             |
| 4     | BUS1210 | Nghiên cứu Marketing                       |                 | 3         |                |           |                      | BUS 1200<br>BUS 1202 |
| 5     | BUS1301 | Văn hóa doanh nghiệp                       |                 | 3         |                |           |                      | BUS 1100<br>BUS 1105 |
|       |         | <b>Môn học tự chọn chuyên sâu (nếu có)</b> |                 | <b>3</b>  |                |           |                      |                      |
| 6     | LAW1502 | Luật hợp đồng                              | 2 môn<br>chọn 1 | 3         | Chọn 1 trong 2 |           |                      |                      |
| 7     | LAW1504 | Luật sở hữu trí tuệ                        |                 | 3         |                |           |                      |                      |

### HỌC KỲ VI - 22 TC

| Số TT | Mã MH   | MÔN HỌC                   |  | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |                      |
|-------|---------|---------------------------|--|-----------|-----------|-----------|----------------------|----------------------|
|       |         |                           |  | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi        |
|       |         | <b>Môn học bắt buộc</b>   |  | <b>19</b> |           |           |                      |                      |
| 1     | GEN1010 | Chủ nghĩa xã hội khoa học |  | 2         |           |           |                      |                      |
| 2     | BUS1206 | Quản trị thương hiệu      |  | 3         | 2         | 1         |                      | BUS 1205<br>BUS 1202 |
| 3     | BUS1212 | Marketing dịch vụ         |  | 3         | 2         | 1         |                      | BUS 1200             |
| 4     | BUS1213 | Marketing quốc tế         |  | 3         | 2         | 1         |                      | BUS 1200<br>BUS 1202 |

|   |         |                                            |              |   |   |   |  |                                  |
|---|---------|--------------------------------------------|--------------|---|---|---|--|----------------------------------|
| 5 | BUS1216 | Marketing kỹ thuật số                      |              | 3 | 2 | 1 |  | BUS 1200<br>BUS 1202             |
| 6 | BUS1308 | Kỹ năng bán hàng                           |              | 3 | 2 | 1 |  | BUS 1200<br>BUS 1202             |
| 7 | BUS1221 | Kiến tập                                   |              | 2 |   |   |  |                                  |
|   |         | <b>Môn học tự chọn chuyên sâu (nếu có)</b> |              | 3 |   |   |  |                                  |
| 7 | BUS1116 | Quản trị bán hàng                          | 2 môn chọn 1 | 3 |   |   |  | BUS 1100<br>BUS 1200<br>BUS 1111 |
|   | BUS1208 | Quản trị kênh phân phối                    |              | 3 |   |   |  | BUS 1100                         |

### HỌC KỲ VII: 10 TC

| Số TT | Mã MH   | MÔN HỌC                                    | Tín chỉ      |           |           | Điều kiện tiên quyết |                      |
|-------|---------|--------------------------------------------|--------------|-----------|-----------|----------------------|----------------------|
|       |         |                                            | Tổng cộng    | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi        |
|       |         | <b>Môn học bắt buộc</b>                    | <b>6</b>     |           |           |                      |                      |
| 1     | BUS1207 | Quản trị truyền thông                      | 3            | 2         | 1         |                      | BUS 1205<br>BUS 1202 |
| 2     | BUS1215 | Marketing công nghiệp                      | 3            | 2         | 1         |                      | BUS 1200<br>BUS 1202 |
|       |         | <b>Môn học tự chọn chuyên sâu (nếu có)</b> | <b>4</b>     |           |           |                      |                      |
| 4     | BUS1313 | Quan hệ công chúng                         | 2 môn chọn 1 | 2         |           |                      | BUS 1200<br>BUS 1202 |
|       | BUS1305 | Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh          |              | 2         |           |                      | BUS 1100<br>BUS 1200 |
| 5     | BUS1314 | Quảng cáo & Khuyến mãi                     | 2 môn chọn 1 | 2         |           |                      | BUS 1200<br>BUS 1202 |
|       | MIS1034 | Thương mại điện tử                         |              | 2         |           |                      | BUS1202              |

### HỌC KỲ VIII: 8 TC

| Số TT | Mã MH   | MÔN HỌC                      | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-------|---------|------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|       |         |                              | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1     | BUS1000 | Thực tập tốt nghiệp          | 4         |           | 4         |                      |               |
| 2     | BUS1001 | Khóa luận tốt nghiệp         | 4         |           |           |                      |               |
|       | BUS1220 | Chiến lược Marketing đa kênh | 2         | 1         | 1         |                      |               |
|       | BUS1204 | Lập kế hoạch Marketing       | 2         | 1         | 1         |                      |               |

### KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

| Stt | Mã MH   | MÔN HỌC                | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-----|---------|------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|     |         |                        | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1   | ENG1001 | Tiếng Anh thương mại 1 | 5         | 4         | 1         |                      | Đầu vào A2    |
| 2   | ENG1002 | Tiếng Anh thương mại 2 | 5         | 4         | 1         |                      | ENG1001       |
| 3   | ENG1003 | Tiếng Anh thương mại 3 | 5         | 4         | 1         |                      | ENG1002       |
| 4   | ENG1004 | Tiếng Anh thương mại 4 | 5         | 4         | 1         |                      | ENG1003       |

**KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG** (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

**Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)**

| Số TT | MÃ MH    | MÔN HỌC                 | Tín chỉ   |                    |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-------|----------|-------------------------|-----------|--------------------|-----------|----------------------|---------------|
|       |          |                         | Tổng cộng | Lý thuyết          | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1     | BUS 1103 | Quản trị nguồn nhân lực | 3         | Chọn 3 trong 5 môn |           |                      |               |
| 2     | BUS 1105 | Quản trị chiến lược     | 3         |                    |           |                      |               |
| 3     | BUS 1205 | Quản trị marketing      | 3         |                    |           |                      |               |
| 4     | BUS 1207 | Quản trị truyền thông   | 3         |                    |           |                      |               |
| 5     | BUS 1210 | Nghiên cứu marketing    | 3         |                    |           |                      |               |
| 6     | BUS 1300 | Nghệ thuật lãnh đạo     | 3         | Chọn 1 trong 2 môn |           |                      |               |
| 7     | BUS 1308 | Kỹ năng bán hàng        | 3         |                    |           |                      |               |

**Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)**

| Số TT | MÃ MH   | MÔN HỌC            | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-------|---------|--------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|       |         |                    | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1     | ECO1011 | Kinh tế vi mô 2    | 4         | 4         |           |                      |               |
| 2     | ECO1012 | Kinh tế vĩ mô 2    | 4         | 4         |           |                      |               |
| 3     | ECO1014 | Kinh tế phát triển | 4         | 4         |           |                      |               |
| 4     | ECO1008 | Kinh tế công       | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5     | ECO1013 | Kinh tế lao động   | 3         | 3         |           |                      |               |

**Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)**

| Số TT | MÃ MH   | MÔN HỌC                          | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-------|---------|----------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|       |         |                                  | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1     | ECO1022 | Kinh tế công 2                   | 2         | 2         |           |                      |               |
| 2     | ECO1023 | Chính sách công                  | 4         | 4         |           |                      |               |
| 3     | ECO1025 | Quản lý công                     | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4     | ECO1014 | Kinh tế phát triển               | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5     | ECO1009 | Kinh tế tài nguyên và môi trường | 3         | 3         |           |                      |               |
| 6     | ECO1008 | Kinh tế lao động                 | 3         | 3         |           |                      |               |

**Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)**

| Stt | MÃ MH   | MÔN HỌC                         | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-----|---------|---------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|     |         |                                 | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1   | LAW1510 | Luật thương mại quốc tế         | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2   | COM1011 | Logistics                       | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3   | COM1002 | Kinh tế đối ngoại               | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4   | COM1009 | Vận tải và bảo hiểm quốc tế     | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5   | COM1006 | Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương | 3         | 3         |           |                      |               |

**Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)**

| Stt | MÃ MH   | MÔN HỌC                     | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-----|---------|-----------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|     |         |                             | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1   | COM1020 | Quản trị đa văn hoá         | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2   | COM1005 | Kinh doanh quốc tế          | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3   | COM1004 | Đàm phán kinh doanh quốc tế | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4   | COM1007 | Tài chính quốc tế           | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5   | COM1015 | Đầu tư quốc tế              | 3         | 3         |           |                      |               |

**Chương trình giáo dục: Ngân hàng (chọn 12 TC)**

| STT | MÃ MH   | MÔN HỌC                       | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-----|---------|-------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|     |         |                               | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1   | FIN1201 | Tiền tệ ngân hàng             | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2   | FIN1207 | Quản trị ngân hàng            | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3   | FIN1203 | Ngân hàng thương mại          | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4   | FIN1206 | Ngân hàng thương mại nâng cao | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5   | FIN1106 | Quản trị tài chính nâng cao   | 3         | 3         |           |                      |               |
| 6   | FIN1105 | Đầu tư tài chính              | 3         | 3         |           |                      |               |

**Chương trình giáo dục: Tài chính doanh nghiệp (chọn 12 TC)**

| STT | MÃ MH   | MÔN HỌC                     | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-----|---------|-----------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|     |         |                             | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1   | FIN1106 | Quản trị tài chính nâng cao | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2   | FIN1105 | Đầu tư tài chính            | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3   | FIN1109 | Phân tích chứng khoán       | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4   | FIN1104 | Thuế                        | 3         | 3         |           |                      |               |

|   |         |                      |   |   |  |  |  |
|---|---------|----------------------|---|---|--|--|--|
| 5 | FIN1207 | Quản trị ngân hàng   | 3 | 3 |  |  |  |
| 6 | FIN1203 | Ngân hàng thương mại | 3 | 3 |  |  |  |

**Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)**

| Stt | MÃ MH   | MÔN HỌC                      | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-----|---------|------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|     |         |                              | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1   | ACC1023 | Kế toán tài chính            | 4         | 4         |           | ACC1013              |               |
| 2   | ACC1502 | Lý thuyết kiểm toán          | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3   | ACC1063 | Kế toán phần hành 1          | 3         | 3         |           | ACC1013              |               |
| 4   | ACC1153 | Thuế - thực hành và khai báo | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5   | ACC1582 | Phân tích báo cáo tài chính  | 2         | 2         |           | ACC1034              |               |

**Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)**

| Stt | MÃ MH   | MÔN HỌC                     | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-----|---------|-----------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|     |         |                             | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1   | ACC1033 | Kế toán tài chính 1         | 3         | 3         |           | ACC1013              |               |
| 2   | ACC1043 | Kế toán tài chính 2         | 3         | 3         |           | ACC1013              |               |
| 3   | ACC1503 | Lý thuyết kiểm toán         | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4   | ACC1083 | Kế toán quốc tế             | 3         | 3         |           | ACC1013              |               |
| 5   | ACC1583 | Phân tích báo cáo tài chính | 3         | 3         |           | ACC1034              |               |

**Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)**

*(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)*

| Stt    | MÃ MH   | MÔN HỌC                                         | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|--------|---------|-------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|        |         |                                                 | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| Nhóm 1 |         |                                                 |           |           |           |                      |               |
| 1      | MIS1016 | Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2 | 3         | 2         | 1         | MIS1015              |               |
| 2      | MIS1022 | Hệ thống thông tin kế toán                      | 3         | 2         | 1         |                      |               |
| 3      | ACC1503 | Lý thuyết kiểm toán                             | 3         | 2         | 1         |                      |               |
| 4      | MIS1023 | Kế toán tin học                                 | 3         | 2         | 1         |                      |               |
| Nhóm 2 |         |                                                 |           |           |           |                      |               |
| 1      | MIS1024 | Lập trình CSDL                                  | 3         | 2         | 1         | MIS1011, MIS1007     |               |
| 2      | MIS1025 | Thiết kế Web 2                                  | 3         | 2         | 1         | MIS1012              |               |
| 3      | MIS1026 | Phát triển ứng dụng mã nguồn mở                 | 3         | 2         | 1         | MIS1011, MIS1012     |               |

|   |         |                                                 |   |   |   |         |  |
|---|---------|-------------------------------------------------|---|---|---|---------|--|
| 4 | MIS1016 | Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2 | 3 | 2 | 1 | MIS1015 |  |
|---|---------|-------------------------------------------------|---|---|---|---------|--|

**Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)**  
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

| Stt    | MÃ MH   | MÔN HỌC                                         | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|--------|---------|-------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|        |         |                                                 | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| Nhóm 1 |         |                                                 |           |           |           |                      |               |
| 1      | MIS1021 | Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ        | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2      | MIS1015 | Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP      | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3      | MIS1016 | Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2 | 3         | 3         |           | MIS1015              |               |
| 4      | MIS1011 | Cơ sở dữ liệu                                   | 3         | 3         |           | MIS1006              | MIS1007       |
| Nhóm 2 |         |                                                 |           |           |           |                      |               |
| 1      | MIS1021 | Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ        | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2      | MIS1015 | Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP      | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3      | MIS1011 | Cơ sở dữ liệu                                   | 3         | 3         |           | MIS1006              | MIS1007       |
| 4      | MIS1033 | Phân tích dữ liệu trong kinh doanh              | 3         | 3         |           |                      | MIS1011       |

**Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)**

| Stt | MÃ MH   | MÔN HỌC                 | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-----|---------|-------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|     |         |                         | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1   | LAW1502 | Luật hợp đồng           | 3         | 3         |           |                      |               |
| 2   | LAW1504 | Luật sở hữu trí tuệ     | 3         | 3         |           |                      |               |
| 3   | LAW1503 | Luật Thương mại         | 3         | 3         |           |                      |               |
| 4   | LAW1505 | Luật Đất đai            | 3         | 3         |           |                      |               |
| 5   | LAW1508 | Luật cạnh tranh         | 3         | 3         |           |                      |               |
| 6   | LAW1518 | Luật Kinh doanh quốc tế | 3         | 3         |           |                      |               |

**Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)**

| Stt | MÃ MH   | MÔN HỌC                           | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |               |
|-----|---------|-----------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|---------------|
|     |         |                                   | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi |
| 1   | LAW1101 | Những vấn đề chung về luật dân sự | 3         | 3         |           |                      | LAW1001       |

|   |         |                                            |   |   |  |  |                                                                |
|---|---------|--------------------------------------------|---|---|--|--|----------------------------------------------------------------|
| 2 | LAW1103 | Nghĩa vụ ngoài hợp đồng                    | 2 | 2 |  |  | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102                                  |
| 3 | LAW1108 | Pháp luật về tài sản trong gia đình        | 2 | 2 |  |  | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103<br>LAW1107            |
| 4 | LAW1109 | Tổ tụng dân sự                             | 3 | 3 |  |  | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103                       |
| 5 | LAW1114 | Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp | 3 | 3 |  |  | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103<br>LAW1109<br>LAW1113 |

**Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)**

| Stt | MÃ MH   | MÔN HỌC                           | Tín chỉ   |           |           | Điều kiện tiên quyết |                                                     |
|-----|---------|-----------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------------|-----------------------------------------------------|
|     |         |                                   | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành | Tích lũy             | Đã học và thi                                       |
| 1   | LAW1101 | Những vấn đề chung về luật dân sự | 3         | 3         |           |                      | LAW1001                                             |
| 2   | LAW1201 | Luật ngân hàng                    | 3         | 3         |           |                      | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103            |
| 3   | LAW1206 | Luật chứng khoán                  | 3         | 3         |           |                      | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103            |
| 4   | LAW1212 | Luật thuế                         | 3         | 3         |           |                      | LAW1001<br>LAW1101<br>LAW1102<br>LAW1103<br>LAW1207 |

**11) MA TRẬN CÁC MÔN HỌC VÀ CHUẨN ĐẦU RA**

| Học kỳ | MÔN HỌC                   | KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH |     |     | KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP |     |     |     |     | KỸ NĂNG LÀM VIỆC THEO NHÓM VÀ GIAO TIẾP |     |     | NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP |     |     |
|--------|---------------------------|-----------------------------|-----|-----|-------------------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----------------------------------------|-----|-----|--------------------------------|-----|-----|
|        |                           | 1.1                         | 1.2 | 1.3 | 2.1                                       | 2.2 | 2.3 | 2.4 | 2.5 | 3.1                                     | 3.2 | 3.3 | 4.1                            | 4.2 | 4.3 |
| I      | Tư tưởng Hồ Chí Minh      | X                           |     |     |                                           | X   | X   | X   | X   |                                         |     |     | X                              |     |     |
|        | Kinh tế học vi mô I       |                             | X   |     |                                           | X   | X   | X   |     |                                         |     |     |                                | X   |     |
|        | Lý luận NN và pháp luật   | X                           | X   |     |                                           |     | X   |     |     |                                         |     |     | X                              |     | X   |
|        | Toán cao cấp              | X                           | X   |     |                                           |     | X   | X   |     |                                         |     |     |                                | X   |     |
|        | Địa chính trị thế giới    | X                           |     |     |                                           | X   | X   |     |     |                                         |     |     |                                |     |     |
|        | Quan hệ quốc tế           | X                           |     |     |                                           | X   | X   |     |     |                                         |     |     |                                |     |     |
|        | Lịch sử văn minh thế giới | X                           |     |     |                                           | X   | X   |     |     |                                         |     |     |                                |     |     |
|        | Văn hóa học               | X                           |     |     |                                           | X   | X   |     |     |                                         |     |     |                                |     |     |

|     |                                 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|-----|---------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
|     | Xã hội học                      | X |   |   |   | X | X |   |   |   |   |   |   |   |
|     | Cơ sở văn hóa Việt Nam          | X |   |   |   | X | X |   |   |   |   |   |   |   |
|     | Tâm lý học                      | X |   |   |   |   |   |   |   | X |   | X |   |   |
|     | Nhập môn KH giao tiếp           | X |   |   |   |   |   |   | X | X |   |   | X | X |
|     | Giáo dục thể chất 1             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|     | Tiếng Anh 1                     |   |   |   |   |   |   |   |   |   | X |   |   |   |
| II  | Triết học Mác – Lênin           | X |   |   |   | X | X | X | X |   |   | X | X |   |
|     | Luật doanh nghiệp               |   | X | X |   | X | X |   | X |   |   |   | X |   |
|     | Kinh tế học vĩ mô 1             |   | X |   |   | X | X | X |   |   |   |   | X |   |
|     | Nguyên lý kế toán               |   | X |   | X | X |   |   |   |   |   |   | X | X |
|     | Quản trị học căn bản            |   | X | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Lý thuyết xác suất              |   | X |   |   |   | X | X |   |   |   |   | X |   |
|     | Tâm lý học                      | X |   |   |   |   |   |   |   | X |   | X |   |   |
|     | Nhập môn giao tiếp              | X |   |   |   |   |   |   | X | X |   |   | X | X |
|     | Nhân học đại cương              | X |   |   |   |   |   |   |   | X |   | X |   |   |
|     | Giáo dục thể chất 2             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|     | Giáo dục QP (4 tuần)            |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|     | Tiếng Anh 2                     |   |   |   |   |   |   |   |   |   | X |   |   |   |
| III | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  | X |   |   |   | X | X | X | X |   |   | X |   |   |
|     | Kế toán tài chính               |   | X |   | X | X |   |   |   |   |   |   | X | X |
|     | Marketing căn bản               |   | X | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Nguyên lý thị trường tài chính  |   | X |   | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Thống kê ứng dụng               |   | X |   | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Tin học ứng dụng                |   | X |   |   |   | X | X |   |   |   |   |   | X |
|     | Logic học                       |   | X |   |   |   | X | X |   |   |   |   |   | X |
|     | Kinh tế lượng                   |   | X |   |   |   | X | X |   |   |   |   |   | X |
|     | Tiếng Anh 3                     |   |   |   |   |   |   |   |   |   | X |   |   |   |
| IV  | Tư tưởng Hồ Chí Minh            | X |   |   |   | X | X | X |   |   |   | X |   |   |
|     | Kinh tế quốc tế                 |   | X |   | X | X | X | X |   |   |   | X | X | X |
|     | Quản trị tài chính              |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Hệ thống thông tin kinh doanh   |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Quản trị chiến lược             |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Nghệ thuật lãnh đạo             |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Luật thương mại quốc tế         | X |   | X |   |   | X |   |   |   |   |   | X | X |
|     | Luật hợp đồng                   | X |   | X |   |   | X |   |   |   |   |   | X | X |
|     | Phương pháp nghiên cứu khoa học | X | X |   | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Kỹ năng làm việc nhóm           |   |   |   | X | X |   | X | X | X | X |   | X | X |
|     | Thực hành văn bản Tiếng Việt    | X |   |   |   |   |   |   | X | X |   |   | X | X |
|     | Quản trị đa văn hóa             |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Quản trị khởi nghiệp            |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Tiếng Anh 4                     |   |   |   |   |   |   |   |   |   | X |   |   |   |
| V   | Quản trị Marketing              |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Hành vi khách hàng              |   | X | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Quản trị nguồn nhân lực         |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|     | Nghiên cứu Marketing            |   |   | X | X | X | X | X | X |   |   |   | X | X |
|     | Văn hóa doanh nghiệp            |   |   |   | X | X |   | X | X | X | X |   | X | X |
|     | Luật hợp đồng                   | X |   | X |   |   | X |   |   |   |   |   | X |   |

|  |                                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|--|-----------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
|  | Luật sở hữu trí tuệ               | X |   | X |   |   | X |   |   |   |   |   | X |   |
|  | Chủ nghĩa xã hội khoa học         | X |   |   |   | X | X | X | X |   |   |   | X |   |
|  | Quản trị thương hiệu              |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|  | Marketing dịch vụ                 |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|  | Marketing quốc tế                 |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|  | Marketing kỹ thuật số             |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|  | Kỹ năng bán hàng                  |   |   |   | X | X |   | X | X | X | X | X | X | X |
|  | Quản trị bán hàng                 |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|  | Quản trị kênh phân phối           |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|  | Kiến tập                          |   |   | X | X | X |   |   |   | X | X | X | X | X |
|  | Quản trị truyền thông             |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|  | Marketing công nghiệp             |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|  | Quan hệ công chúng                |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X | X |
|  | Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh |   |   |   | X | X |   | X |   | X | X | X | X | X |
|  | Quảng cáo và khuyến mãi           |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X |   |
|  | Thương mại điện tử                |   |   | X | X | X | X | X |   |   |   |   | X |   |
|  | Thực tập tốt nghiệp               | X | X | X |   |   | X | X |   | X | X | X | X | X |
|  | Khóa luận tốt nghiệp              | X | X | X |   |   | X | X |   | X | X |   | X | X |
|  | Chiến lược Marketing đa kênh      |   | X | X | X | X | X | X |   | X | X |   | X | X |
|  | Lập kế hoạch Marketing            | X | X | X |   |   | X | X |   | X | X |   | X | X |

## 12) MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

### 1. Môn học: Giáo dục thể chất (Physical Education)

- Số tín chỉ: 05 (Lý thuyết: 01; Thực hành: 04)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Giáo dục thể chất là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Nội dung môn học gồm các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như chạy cự ly trung bình, bóng chuyền,...

Mục tiêu môn học: Cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

### 2. Môn học: Giáo dục quốc phòng (National defence and security education)

- Số tín chỉ: 08 – 165 tiết (Lý thuyết: 90 tiết; Thực hành: 75 tiết)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Giáo dục quốc phòng là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Nội dung môn học gồm IV phần. Phần I - Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; phần II - Công tác quốc phòng và an ninh; phần III- Quân

sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; phần IV - Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

### **3. Môn học: Triết học Mác – Lênin**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không

Mô tả nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin.

Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra

### **4. Môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin

- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung môn học gồm 7 chương. Chương 1: trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Môn học trang bị cho sinh viên tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta; góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

### **5. Môn học: Kinh tế chính trị**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:

- Mô tả nội dung môn học: Những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị học Mác – Lênin, gồm: lý luận sản xuất hàng hoá, các quy luật căn bản của thị trường; lý luận giá trị thặng dư của C.Mác; lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước.

Nội dung cơ bản về vận dụng học thuyết Mác- Lênin trong thời kỳ xây dựng CNXH ở Việt Nam: kinh tế thị trường định hướng XHCN; vấn đề sở hữu và quan hệ lợi ích; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.

#### **6. Môn học: Lịch sử Đảng**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng.

Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

#### **7. Môn học: Chủ nghĩa xã hội khoa học**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

#### **8. Môn học: Kinh tế vi mô I (Microeconomics I)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức khoa học kinh tế. Nội dung của môn học bao gồm 9 chương liên quan đến những vấn đề cơ bản của kinh tế học vi mô như quy luật cung – cầu và cân bằng trên thị trường sự can thiệp của chính phủ; lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng; lý thuyết sản xuất và hành vi tối đa hóa lợi nhuận trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, thị trường độc quyền thuần túy, thị trường cạnh tranh độc quyền và thị trường độc quyền nhóm; lý thuyết về thị trường các yếu tố sản xuất, kinh tế quốc tế và lợi ích từ ngoại thương.

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên kiến thức kinh tế cơ bản, hiểu rõ hơn cách thức đạt đến trạng thái cân bằng của thị trường, và những quyết định phối hợp tiêu dùng, phối hợp đầu vào hay lựa chọn mức sản lượng nhằm tối đa hóa lợi ích, tối đa hóa lợi nhuận, tối đa hóa doanh thu hoặc tối thiểu hóa chi phí sản xuất; đồng thời trang bị những công cụ hỗ trợ

đắc lực cho việc học tập và nghiên cứu các sự kiện và hiện tượng kinh tế.

### **9. Môn học: Lý luận nhà nước và pháp luật (Doctrines of State and Law)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không

- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức khoa học pháp lý. Nội dung môn học gồm những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật như: Những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước, nhà nước xã hội chủ nghĩa; những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật, quy phạm pháp luật, hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, áp dụng pháp luật và giải thích pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật của Việt Nam, các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay cũng như vấn đề trách nhiệm thực hiện pháp luật của công dân và xử lý vi phạm. Qua đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta; đồng thời những kiến thức lý luận đó cũng giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

### **10. Môn học: Toán cao cấp (Advanced mathematics)**

- Số tín chỉ: 05 (Lý thuyết: 05; Thực hành: 0)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không

- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung môn học gồm 2 phần. Phần đầu trình bày các kiến thức nhập môn về đại số tuyến tính và một số ứng dụng cơ bản của đại số tuyến tính trong kinh tế, đặc biệt là quy hoạch tuyến tính. Phần 2 trình bày kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên các công cụ toán học về vi phân, tích phân, ma trận, định thức làm cơ sở để ứng dụng trong tính toán và phân tích các mô hình toán kinh tế.

### **11. Môn học: Tâm lý học (Psychology)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không

- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Nhân văn - Kỹ năng. Nội dung môn học mô tả các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người; trình bày những quy luật nảy sinh hình thành, phát triển và biểu hiện các hiện tượng tâm lý con người trên cơ sở đó giúp người học nhận diện, phân biệt được cũng như nắm được các cơ chế hoạt động của các hiện tượng tâm lý người.

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về tâm lý học đại

cương, giúp sinh viên hình thành khả năng học và nghiên cứu tâm lý; hướng dẫn cho sinh viên vận dụng tri thức tâm lý vào việc rèn luyện bản thân, vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý con người nhằm phục vụ cho nghề nghiệp của mình.

**12. Môn học: Nhập môn khoa học giao tiếp (Business communication introduction)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Nhân văn - Kỹ năng. Nội dung môn học gồm những kiến thức căn bản, nền tảng về khoa học giao tiếp như khái niệm, đặc điểm giao tiếp, chức năng và vai trò của giao tiếp; những hình thức và phương tiện giao tiếp cơ bản; bản chất xã hội của giao tiếp và giao tiếp trong tổ chức; kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

Mục tiêu của môn học: Trang bị cho sinh viên có được những kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ cơ bản để có thể tạo mối quan hệ tốt với mọi người trong một tổ chức, trong học tập và khách hàng, đối tác, đồng nghiệp... sau này.

**13. Môn học: Nhân học đại cương ()**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nên mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức để (G2.1.1) hiểu ngành khoa học nghiên cứu về con người, trên các phương diện sinh học, văn hóa, xã hội; (G2.1.2) hiểu mối liên hệ giữa ngành nhân học với các ngành khoa học khác như lịch sử, triết học, tôn giáo, tâm lý học...; (G2.1.3) hiểu về phương pháp, lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu của ngành nhân học.

**14. Môn học: Luật doanh nghiệp (Enterprise Law)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức khoa học pháp lý. Nội dung môn học trình bày những lý luận cơ bản về luật doanh nghiệp và kinh doanh trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ khoa học pháp lý cũng như đòi hỏi của môi trường kinh doanh trong thực tiễn hiện nay ở Việt Nam. Nội dung môn học gồm những vấn đề về đại cương về luật doanh nghiệp; những quy định chung về doanh nghiệp; các loại hình doanh nghiệp như công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể - hợp tác xã; phá sản doanh nghiệp và hợp tác xã,....

Mục tiêu môn học: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất của Pháp luật về lĩnh vực kinh tế; có sự hiểu biết nhất định về các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế, quy trình thành lập doanh nghiệp; những vấn đề pháp lý trong hợp đồng; cách thức

giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh.

**15. Môn học: Kinh tế vĩ mô I (Macroeconomics I)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp và Kinh tế vi mô I
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức khoa học kinh tế. Nội dung của môn học gồm 9 chương tập trung các nội dung cơ bản như: Nghiên cứu cơ chế vận hành và các yếu tố quyết định các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô; đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô; xác định tổng cung, tổng cầu và vai trò, tác động của chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương và chính sách tỷ giá đối với nền kinh tế; nguyên cứu, tìm hiểu mối quan hệ giữa các chỉ số kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của chính phủ; giúp sinh viên nắm được những công cụ chính sách kinh tế vĩ mô để điều tiết và ổn định hoá nền kinh tế; vận dụng kiến thức kinh tế vĩ mô để thấy được tác động đến doanh nghiệp và ra quyết định trong kinh doanh.

**16. Môn học: Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản về nguyên lý hoạt động kế toán, bao gồm: bản chất đối tượng và phương pháp kế toán; bảng cân đối kế toán và các báo cáo tài chính khác; tài khoản và ghi sổ kép; các nghiệp vụ, sổ sách kế toán như chứng từ và kiểm kê, tính giá các đối tượng kế toán, kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu, sổ sách và hình thức kế toán

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về kế toán bao gồm bản chất của kế toán, các nguyên tắc kế toán và các phương pháp kế toán trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin báo cáo tài chính; giúp cho sinh viên hiểu được các phương pháp của kế toán, làm nền tảng để có thể nghiên cứu môn học tiếp theo.

**17. Môn học: Quản trị học căn bản (Principles of management)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức khoa học kinh tế. Nội dung của môn học bao gồm những chức năng và kỹ năng quản trị để thực hiện các hoạt động trong một tổ chức nhằm kết hợp các hoạt động cá nhân riêng lẻ với nhau trong một tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì,

làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những tác động của môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức ảnh hưởng đến việc lựa chọn đến việc ban hành quyết định hiệu quả của của một tổ chức. Thông tin được coi là giữ liệu đầu vào giúp cho nhà quản trị đưa ra các quyết định. Chức năng của quản trị học bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra được coi là nguyên lý căn bản được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản trị.

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị trong tổ chức như công tác hoạch định, công việc của tổ chức, tiến hành điều khiển và kiểm tra. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cốt lõi: hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức.

### **18. Môn học: Lý thuyết xác suất (Probability Theory)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung môn học trình bày những kiến thức cơ bản và cốt lõi của lý thuyết xác suất mà sinh viên các ngành học đều đòi hỏi như: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất, biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất, một số phân phối xác suất thông dụng.

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên một số quy luật phân phối xác suất cơ bản thông dụng làm nền tảng cho các môn Thống kê ứng dụng và Kinh tế lượng.

### **19. Môn học: Văn hóa học (Culturism)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Khoa học xã hội. Nội dung của môn học bao gồm các nội dung: Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học; khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học; phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch; chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới.

Mục tiêu môn học: Trang bị cho người học những kiến thức và phương pháp tiếp cận sự hiểu biết văn hoá nói chung, cũng như cách thức tiếp cận các lĩnh vực chuyên sâu của văn hoá học nói riêng.

### **20. Môn học: Xã hội học (Sociology)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Khoa học xã hội. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành

xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

Mục tiêu môn học: Giúp sinh viên có một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học, đồng thời giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại.

### **21. Môn học: Cơ sở văn hóa Việt Nam ()**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: đã học xong các học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội & nhân văn
- Mô tả nội dung môn học: Ngoài các lý luận cơ bản về văn hóa, văn hóa học và định vị chủ thể, không gian, tiến trình văn hóa Việt Nam, môn học bao gồm các tri thức về các thành tố văn hóa cơ bản: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử của Việt Nam.
- Mục tiêu môn học: môn học nhằm cung cấp cho người học ngành khoa học xã hội – nhân văn kiến thức nền về văn hóa và văn hóa Việt Nam, đồng thời hướng dẫn người học hướng tiếp cận văn hóa học khi nghiên cứu văn hóa Việt Nam, tạo cơ sở để có thể tự tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu hoặc hỗ trợ cho người học nghiên cứu chuyên ngành của họ.

### **22. Môn học: Địa chính trị thế giới (Political policies in the world)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
  - Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
  - Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Khoa học xã hội. Nội dung của môn học bao gồm phương pháp nghiên cứu địa chính trị và các nội dung liên quan đến địa chính trị thế giới như: Lịch sử và phát triển của địa chính trị thế giới; lý thuyết địa chính trị; thành phần của địa chính trị; địa chính trị về biển và đại dương; địa chính trị của khu vực.
- Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

### **23. Môn học: Quan hệ quốc tế (International relations)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Khoa học xã hội. Môn học giới thiệu quá trình hình thành và phát triển môn học, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Nội dung môn học bao gồm các chủ đề về yếu tố tổ chức; yếu tố phi tổ chức; quyền

lực trong quan hệ quốc tế; hệ thống quan hệ quốc tế; ngoại giao; mâu thuẫn và xung đột trong quan hệ quốc tế; hợp tác và phối hợp trong quan hệ quốc tế.

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về quan hệ quốc tế như các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập,... Qua đó sinh viên được trang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

#### **24. Môn học: Lịch sử văn minh thế giới ()**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học:

#### **25. Môn học: Tiếng Anh 1, 2, 3, 4 (English 1, 2, 3, 4)**

- Số tín chỉ: 20 (Lý thuyết: 16; Thực hành: 4)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức ngoại ngữ không chuyên.

Nội dung môn học gồm 3 khối kiến thức. Mỗi khối kiến thức gồm có các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để khi ra trường sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong môi trường làm việc. Thông qua các kỹ năng về ngôn ngữ và các hoạt động đa dạng trong lớp, trang bị cho người học các kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (business communication skills) là phần thuộc về các kỹ năng mềm (soft skills) rất cần để có thể làm việc có hiệu quả trong môi trường thương mại.

Mục tiêu của môn học gồm các khối kiến thức sau:

+ Khối kiến thức cơ bản 1: Trang bị các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản để có thể giao tiếp đơn giản ở môi trường làm việc. Trình độ sơ cấp, hướng đến tương ứng với mức trình độ CEFR A2.

+ Khối kiến thức cơ bản 2: Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết lên mức có thể giao tiếp một cách độc lập trong một số tình huống hạn chế. Trình độ sơ trung cấp, hướng đến tương ứng với mức trình độ CEFR B1+.

+ Khối kiến thức anh văn thương mại: Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết lên mức có thể giao tiếp một cách độc lập trong một số tình huống thương mại. Trình độ trung cấp, hướng đến tương ứng với TOEIC 550 hoặc tương đương.

## **26. Môn học: Kế toán tài chính (Financial accountant)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Nguyên lý kế toán
- Mô tả nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về bản chất nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, ghi nhận các phần hành kế toán cơ bản: Kế toán các quá trình SX-KD chủ yếu của doanh nghiệp; Kế toán các khoản đầu tư; Kế toán các khoản vay; Kế toán hoạt động khác và xác định KQKD; Kế toán vốn chủ sở hữu và tìm hiểu một số quy định, cơ sở dữ liệu, nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Mục tiêu môn học: Trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính để giải quyết một số vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán; Kỹ năng tổ chức nghề nghiệp và thực hành kế toán – kiểm toán (có thể tham gia vào công việc tư vấn kế toán, tài chính và thuế trong các doanh nghiệp); có khả năng tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về nghề nghiệp kế toán – kiểm toán.

## **27. Môn học: Marketing căn bản (Fundamental marketing)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Kinh tế học vi mô
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về Marketing như: Các khái niệm, vai trò, chức năng của hoạt động marketing; môi trường marketing; hành vi khách hàng; phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm; triển khai các chiến lược marketing hỗn hợp gồm 4 P căn bản là sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng về hoạt động Marketing để vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp và làm tiền đề để nghiên cứu chuyên sâu các môn học chuyên ngành như: Nghiên cứu marketing; Quản trị marketing; Marketing dịch vụ; Quản trị bán hàng; Quản trị thương hiệu; Kỹ năng bán hàng.

## **28. Môn học: Nguyên lý thị trường tài chính**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung môn học bao gồm các vấn đề liên quan đến thị trường tài chính quốc gia như: Tổng quan về thị trường tài chính, thị trường chứng khoán, chứng khoán và giao dịch chứng khoán, thị trường tiền tệ và thị trường hối đoái, nguyên tắc hoạt động của các trung gian tài chính. Đây là những kiến thức nền tảng bắt buộc phải nắm vững để tiếp tục học các môn học, trong đó có quản trị tài chính.

Mục tiêu môn học: Trang bị những kiến thức lý luận và ứng dụng thực hành về thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, thị trường hối đoái, thị trường chứng khoán. Trên cơ sở

đó, liên hệ vận dụng nghiên cứu trong điều kiện cụ thể thực tiễn Việt Nam; đồng thời giúp cho sinh viên phát triển phương pháp tư duy kinh tế và ứng dụng vào phân tích những sự kiện, hiện tượng, chính sách trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng với những kiến thức đã học.

### **29. Môn học: Thống kê ứng dụng (Applied statistics)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp một cách có hệ thống về lý thuyết và áp dụng thực tế các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập; áp dụng các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

### **30. Môn học: Phương pháp nghiên cứu khoa học (Science research methods)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Nhân văn - Kỹ năng. Nội dung môn học gồm các nội dung về các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, đồng thời giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học.

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để thực hiện được một nghiên cứu khoa học cụ thể như có phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu, biết cách nghiên cứu tổng quan và xây dựng mô hình nghiên cứu, biết cách thu thập và phân tích dữ liệu, cũng như viết trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.

### **31. Môn học: Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skill)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Nhân văn - Kỹ năng và là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc.

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về làm việc nhóm để duy trì tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả. Kết thúc môn học, sinh viên sẽ có được khả năng vận dụng các lý thuyết cơ bản trong làm việc nhóm để lập luận và giải

quyết các vấn đề phát sinh trong nhóm và trong kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ biết cách thành lập, xây dựng và phát triển nhóm. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện và phát huy các kỹ năng làm việc nhóm như: Kỹ năng thành lập nhóm làm việc hiệu quả, vận hành nhóm, phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm, kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau. Bên cạnh đó, sinh viên còn được thực hành một số kỹ năng như kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp...

### **32. Môn học: Thực hành tiếng Việt ()**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Mô tả nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về văn bản tiếng Việt tạo điều kiện cho sinh viên có những kiến thức vững chắc để có thể soạn thảo các loại văn bản tiếng Việt thông dụng (văn bản khoa học, văn bản hành chính...). - Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách, kỹ năng soạn thảo văn bản trên máy vi tính.

### **33. Môn học: Tin học ứng dụng (General informatics)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 01)
  - Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp
  - Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức tin học – khoa học tự nhiên. Nội dung môn học gồm 13 chương, bao gồm những kiến thức cơ bản lý thuyết và thực hành về tin học: hệ thống xử lý thông tin, hệ điều hành và lập trình trên các ngôn ngữ phổ biến.
- Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tin học căn bản về thông tin – quản lý thông tin, hệ thống xử lý thông tin, hệ điều hành và lập trình trên ngôn ngữ phổ biến, qua đó giúp sinh viên có thể xử lý, vận hành máy tính và mạng máy tính trong doanh nghiệp.

### **34. Môn học: Logic học (Science of logic)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
  - Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
  - Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức tin học – khoa học tự nhiên. Môn học đề cập đến các vấn đề liên quan đến khoa học về các hình thức và các quy luật của tư duy. Nội dung môn học gồm 3 vấn đề lớn là logic mệnh đề; logic vị từ và suy luận.
- Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò của logic học trong cuộc sống cũng như tìm hiểu các hình thức, nguyên tắc, quy luật cơ bản của tư duy như phán đoán, suy luận, luật nhân quả, luật triệt tam. Những kiến thức về logic học sẽ tạo điều kiện cho người học vận dụng liên kết trong đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.

### **35. Môn học: Kinh tế lượng (Ecomometric)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 01)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất, thống kê ứng dụng

- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức tin học – khoa học tự nhiên. Nội dung môn học giới thiệu phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hội nhằm hoạch định các chính sách / chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, môn học sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các quan hệ giữa những yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức đã học để khảo sát một hiện tượng kinh tế. Trên cơ sở phân tích về mặt lượng mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế dựa vào các số liệu và thông tin thu thập được để vận dụng vào thực tiễn công tác, hỗ trợ việc ra quyết định một cách đúng đắn hơn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### **36. Môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung môn học gồm 7 chương. Chương 1: trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta; góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

### **37. Môn học: Kinh tế quốc tế (International Economy)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Kinh tế học vi mô 1, Kinh tế học vĩ mô 1

- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Ngoài những vấn đề chung về Kinh tế quốc tế, nội dung môn học gồm các nội dung như: Lý thuyết về mậu dịch quốc tế (lý thuyết cổ điển và hiện đại); các hình thức mậu dịch quốc tế (thuế quan, phi thuế quan, liên hiệp thuế quan); mậu dịch quốc tế và phát triển kinh tế. Ở mỗi phần học là các

chủ đề nghiên cứu khác nhau nhằm giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc hơn các vấn đề về kinh tế học quốc tế.

Mục tiêu môn học: Cung cấp những kiến thức căn bản cho sinh viên về kinh tế học quốc tế làm cơ sở ứng dụng vào thực tiễn kinh doanh và làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại và đề hoạch định chính sách phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### **38. Môn học: Quản trị tài chính (Financial management)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học căn bản, Nguyên lý thị trường tài chính.
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc kiến thức nhóm ngành. Nội dung môn học xem xét hoạt động tài chính của một tổ chức thông qua các kiến thức về giá trị thời gian của tiền tệ, các chỉ số đánh giá hiệu quả tài chính, công tác quản trị vốn lưu động và vốn dài hạn, quản trị nguồn tài trợ... Môn học đặt trọng tâm vào việc đảm bảo cho sinh viên vừa hiểu một cách trực quan, vừa nắm bắt một cách chặt chẽ những lý thuyết nền tảng về quản trị tài chính và cách thức ứng dụng các nội dung đó vào trong thực tiễn.

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các hoạt động tài chính của doanh nghiệp; lý thuyết xác định quan hệ rủi ro và lợi nhuận, định giá chứng khoán; các nguyên lý và các kỹ thuật, công cụ phân tích để ra các quyết định quản trị tài chính, đặc biệt là quyết định đầu tư và quản trị vốn lưu động nhằm đạt được mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp. Từ đó giúp sinh viên có thể hiểu, liên hệ và vận dụng trong việc đánh giá hiệu quả tài chính của một doanh nghiệp, phân tích và hoạch định tài chính, ra các quyết định tài chính quan trọng để tối đa hóa hoạt động, tối đa hóa giá trị và quản trị dòng tiền đạt mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp.

### **39. Môn học: Hệ thống thông tin kinh doanh (Business information system)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học gồm 2 phần. Phần 1: Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các qui trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực hành trên Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay trên toàn thế giới là SAP ERP với gói Dataset GBI phiên bản 2.1 2011 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương

trình SAP UAP – University Alliances Program, trong đó trường đại học Kinh tế - Luật là một thành viên). Phần 2: Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các qui trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các qui trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất.

#### **40. Môn học: *Quản trị chiến lược (Strategic management)***

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học căn bản
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc kiến thức nhóm ngành. Ngoài phần tổng quan về quản trị chiến lược, nội dung môn học gồm các công việc của quản trị chiến lược trong một doanh nghiệp như: Xác định sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu; phân tích môi trường bên ngoài, môi trường bên trong và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp; hình thành các chiến lược cấp công ty, kinh doanh và chức năng trong doanh nghiệp; tổ chức thực hiện chiến lược và kiểm tra, đánh giá chiến lược trong quá trình thực hiện.

Mục tiêu môn học: Giúp sinh viên hiểu rõ vai trò, vị trí của quản trị chiến lược trong doanh nghiệp; đồng thời thấy rõ hoạch định, triển khai và kiểm tra đánh giá chiến lược là các giai đoạn trong quá trình quản trị chiến lược; nắm vững kiến thức và kỹ năng trong việc phân tích môi trường, xây dựng chiến lược, triển khai chiến lược và kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược kinh doanh nhằm đạt được 2 mục tiêu chính: Duy trì sự tồn tại của tổ chức và phát triển tổ chức kinh doanh phù hợp với sự phát triển, vận động của xu thế kinh tế trong thời kỳ hội nhập.

#### **41. Môn học: *Nghệ thuật lãnh đạo (Psychology of leadership)***

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học
- Mô tả nội dung môn học: Trên nền tảng hiểu được bản chất của con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của con người, các qui luật tâm lý, người học có thể vận dụng kiến thức về các kỹ năng của nhà lãnh đạo ( Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý) vào trong việc xử lý các tình huống thực tế, nhằm đạt được hiệu quả trong quản lý.

Sinh viên có thể vận dụng linh hoạt từng kỹ năng của nhà lãnh đạo vào ứng xử các tình huống cụ thể. *Kỹ năng Phong cách* với Mô hình 3 phong cách: Độc đoán, Dân chủ, Tự do. *Kỹ năng Quyền hạn*, quyền lực với cơ sở 3 quyền lực: Vị trí, Cá nhân, chính trị. *Kỹ năng Động viên*, thuyết phục với ứng dụng thuyết Maslow 5 bậc nhu cầu: Căn bản, An toàn, Xã hội, tôn trọng, Thể hiện. *Kỹ năng Tâm lý* với 3 thuộc tính của Tâm lý: Tính khí, Tính cách, Năng lực.

Mục tiêu môn học: Giúp sinh viên nắm vững kiến thức về bản chất con người, cách thức vận dụng các kỹ năng lãnh đạo (Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý) làm phương tiện để đạt được mục tiêu trong quản lý.

#### **42. Môn học: Luật hợp đồng (Contract Law)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức bổ trợ. Nội dung môn học bao gồm các vấn đề cơ bản liên quan đến các loại hợp đồng được sử dụng phổ biến trong đời sống dân sự cũng như trong hoạt động thương mại. Các hợp đồng này có thể được quy định trong các văn bản pháp luật khác nhau.

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn về hợp đồng và pháp luật hợp đồng, giúp sinh viên có khả năng soạn thảo, đàm phán các hợp đồng trong công việc sau này.

#### **43. Môn học: Văn hóa doanh nghiệp (Corporate culture)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học
- Mô tả nội dung môn học: Người học sẽ được trang bị kiến thức tổng quát về văn hóa doanh nghiệp: các yếu tố và các phương diện của văn hóa doanh nghiệp. Ba mức độ nhận thức văn hóa doanh nghiệp; các đặc điểm văn hóa khác nhau của các quốc gia khác nhau qua sự phân chia lớn bởi 3 nhà nghiên cứu lớn về văn hóa phương Tây và nhà văn hóa VN lần lượt là Geert Hofstede; Fons Trompenaars and Edgar H Schein; Trần ngọc Thêm.

Từ những đặc điểm văn hóa lớn ấy giảng viên sẽ chỉ rõ những ảnh hưởng của chúng đến các hành xử trong quản trị và kinh doanh của các doanh nghiệp phương Đông và Phương Tây. Đặc biệt là Giảng viên sẽ phân tích tác động của Văn hóa Việt Nam đối với người lãnh đạo doanh nghiệp và đối với các doanh nghiệp VN nói chung. Học xong môn này người học sẽ thấu hiểu được những nguyên nhân văn hóa gốc rễ của các hành xử của doanh nghiệp trong nội bộ và với môi trường kinh doanh, Từ đó người học sẽ nhanh chóng hòa nhập vào doanh nghiệp khi vào làm việc.

Mục tiêu của môn học: Trang bị cho người học kiến thức tổng quan về chức năng của văn hóa trong kinh doanh và kinh doanh quốc tế; Người học sẽ hiểu được các tác động của văn hóa dân tộc đối với văn hóa doanh nghiệp, nắm được cấu trúc các lớp của văn hóa doanh nghiệp, các giai đoạn hình thành, thay đổi văn hóa doanh nghiệp.

#### **44. Môn học: Quản trị nguồn nhân lực (Human resource management)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học căn bản

- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc kiến thức nhóm ngành. Ngoài phần tổng quan về quản trị nguồn nhân lực, nội dung môn học gồm các công việc của quản trị nguồn nhân lực như: Hoạch định nguồn nhân lực; phân tích công việc; tuyển dụng; đào tạo và phát triển; đánh giá thực hiện công việc của nhân viên; trả công lao động; quan hệ lao động.

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức như thu hút, đào tạo phát triển, đánh giá hiệu suất công việc, trả công lao động và duy trì nhân viên. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị nguồn nhân lực cũng giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cơ bản: tăng năng suất lao động, hiệu quả công việc của tổ chức và thỏa mãn nhu cầu phát triển bản thân của từng nhân viên.

#### **45. Môn học: *Quản trị marketing (Marketing management)***

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học căn bản, Marketing căn bản

- Mô tả nội dung môn học: Môn học “Quản trị Marketing” nhằm trình bày về những lý thuyết, quan điểm cơ bản về hoạt động quản trị marketing. Cung cấp cho người học những kiến thức về phân tích cơ hội marketing, kỹ thuật phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu. Người học tìm hiểu các vấn đề hoạch định các chiến lược marketing, những kiến thức và kỹ năng hoạch định các kế hoạch hành động, tổ chức và điều khiển triển khai các hoạt động marketing và kiểm soát công tác marketing. Phương pháp học phù hợp nhất là phương pháp trực quan nghĩa là người học trực tiếp nghe giảng viên truyền đạt các kiến thức và tư liệu thực tế về môn học và phương pháp thực hành nghĩa là sinh viên dựa trên các tình huống thực tế của các doanh nghiệp đang xảy ra trên thị trường Việt Nam và áp dụng kiến thức lý thuyết đã học để đưa ra giải pháp tối ưu cho vấn đề mình xem xét. Môn học giúp người học có khả năng phân tích về năng lực của doanh nghiệp và sự cạnh tranh của đối thủ về hoạt động marketing.

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cụ thể trong việc phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến việc đưa ra một quyết định Marketing (môi trường – đối thủ cạnh tranh – khách hàng) và giúp sinh viên cách lên một kế hoạch Marketing cụ thể cho một giai đoạn cạnh tranh nhất định. Kết thúc môn học sinh viên sẽ có một số kiến thức và kỹ năng liên quan đến quá trình hoạch định các kế hoạch và chương trình Marketing. Kết thúc môn học sinh viên sẽ có khả năng phân tích vấn đề, tạo ra những cái nhìn bao quát và chi tiết khi phân tích một vấn đề và trình bày vấn đề về lĩnh vực Marketing.

#### **46. Môn học: *Luật sở hữu trí tuệ (Intellectual property law)***

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học căn bản, Marketing căn bản

- Mô tả nội dung môn học: giúp sinh viên biết và hiểu được vai trò của tài sản trí tuệ trong nền kinh tế và biết cách vận dụng quy định của pháp luật để làm tăng giá trị của tài sản trí tuệ; Giúp sinh viên có thể sử dụng đúng các thuật ngữ pháp lý; Giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc giải quyết tình huống; Hỗ trợ sinh viên phân tích, đánh giá quy định của pháp luật; Giúp sinh viên có ý thức và biết cách chấp hành pháp luật và hướng dẫn cho những người khác.

Mục tiêu môn học: Giới thiệu những vấn đề lý luận chung về sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ; các khuôn khổ pháp luật Việt Nam và quốc tế về sở hữu trí tuệ như, những chế định cụ thể về quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; vấn đề chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và việc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.

#### **47. Môn học: Kỹ năng bán hàng (Selling Skills)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học kỹ năng bán hàng bao gồm các nội dung kiến thức cốt lõi mà sinh viên cần nắm vững là: xác định rõ mục tiêu nghề nghiệp của một nhân viên bán hàng chuyên nghiệp; cách thức xây dựng mục tiêu bán hàng; các bước tiếp cận khách hàng; kỹ năng trình bày và bán hàng; kỹ năng thuyết phục khách hàng; kỹ năng bán hàng theo chuỗi giá trị; kỹ năng bán hàng theo phương pháp Bommerang; kỹ năng đối phó với các khước từ của khách hàng; kỹ năng trưng bày hàng hóa; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng viết thư và trả lời điện thoại trong bán hàng v.v.

#### **48. Môn học: Marketing dịch vụ (Services Marketing)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Nghiên cứu Marketing, Hành vi KH, Quản trị học
- Mô tả nội dung môn học: Nội dung của môn học này sẽ giới thiệu marketing dịch vụ và thảo luận chi tiết các khái niệm và chiến lược cơ bản nhằm nêu lên sự khác biệt giữa tiếp thị dịch vụ vô hình và tiếp thị sản phẩm hữu hình. Nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: Nâng cao sự hiểu biết của những thách thức liên quan đến việc tiếp thị và quản trị dịch vụ; Nhận dạng và phân tích những thành phần trong hỗn hợp tiếp thị dịch vụ bao gồm 4Ps truyền thống (sản phẩm, giá cả, phân phối, chiêu thị) và 3Ps (cơ sở vật chất, quá trình và con người liên quan đến trong quá trình thực hiện dịch vụ; Nắm được những vấn đề chính trong việc đo lường chất lượng dịch vụ và sự thỏa mãn khách hàng; Nắm bắt được vai trò của nhân viên dịch vụ và khách hàng về việc thực hiện dịch vụ, thất bại trong dịch vụ, và những vấn đề về hồi phục dịch vụ; Phát triển vai trò của nhân viên trong việc phục vụ khách hàng cũng

như nắm bắt được những vai trò quan trọng của khách hàng trong quá trình thực hiện dịch vụ.

#### **49. Môn học: Quản trị kênh phân phối (Marketing Channels Management)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Nghiên cứu Marketing, Hành vi KH, Quản trị học

Mô tả nội dung môn học: Giúp sinh viên nắm bắt được vai trò của mạng lưới phân phối; phương thức tổ chức mạng lưới phân phối; các xu hướng quản trị kênh phân phối trên thế giới; Các giải pháp giải quyết các xung đột trong mạng lưới phân phối, vai trò của kênh phân phối trong hoạt động Marketing, hoạt động bán hàng, các hoạt động Marketing tại điểm phân phối. Kết thúc môn học sinh viên nắm được việc thiết kế, điều hành hoạt động, kiểm tra kiểm soát mạng lưới phân phối trong hoạt động sản xuất kinh doanh các công ty nội địa và quốc tế.

#### **50. Môn học: Nghiên cứu marketing (Marketing research)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Marketing căn bản, Thống kê, Quản trị học, Đạo đức trong kinh doanh, Kỹ năng giao tiếp
- Mô tả nội dung môn học: Để quản trị tốt một doanh nghiệp thì phải quản trị được tương lai của doanh nghiệp, mà muốn quản trị được tương lai thì phải quản trị được thông tin. Do đó, hầu hết mọi nhà quản trị sẽ phải tìm kiếm thông tin khách quan và đúng lúc để giúp họ đưa ra những quyết định kinh doanh có căn cứ, mà họ sẽ gặp phải trong suốt con đường sự nghiệp kinh doanh. Vì thế nghiên cứu marketing đóng vai trò quan trọng hàng đầu đối với sự thành công của hoạt động marketing của bất kỳ tổ chức nào. Khóa học này là cơ hội để sinh viên học về quá trình hoạch định và thu thập được những thông tin thích hợp, khách quan, chính xác và đúng lúc. Từ đó hiểu rõ kỳ vọng và nhu cầu thực tiễn của thị trường mục tiêu, và dựa vào đó mà đưa ra những quyết định quan trọng trong quản trị marketing như phân khúc khách hàng, định vị phù hợp thương hiệu, xây dựng và triển khai các chiến lược marketing thực thi thành công. Cuối cùng, đối với một số sinh viên, môn học nghiên cứu marketing sẽ là phần giới thiệu để họ lựa chọn nghề nghiệp.

Môn học này không chỉ dành cho những người mong muốn nghiên cứu, thực hành chuyên sâu về nghiên cứu marketing, mà dành cho tất cả những ai đang và sẽ làm quản lý marketing trong mọi tổ chức biết cách đánh giá phân tích tính hiệu quả của một dự án nghiên cứu marketing. Với hiểu biết đầy đủ về nghiên cứu marketing, các nhà quản lý sẽ khai thác hiệu quả tất cả các nguồn thông tin trong một tổ chức

Mục tiêu môn học: Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu marketing trong tổ chức như Xác định có cần thiết nghiên cứu marketing hay không, Xác

định vấn đề marketing, Xác định vấn đề nghiên cứu marketing, Xác định danh mục dữ liệu cần thu thập, Nhận diện nguồn gốc dữ liệu, Xác định kỹ thuật thu thập dữ liệu, Thu thập dữ liệu, Phân tích và Diễn dịch dữ liệu, Viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Bên cạnh những kiến thức cơ bản, những kỹ năng nghiên cứu marketing cũng giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cơ bản: tăng hiệu quả công việc của tổ chức và thỏa mãn nhu cầu phát triển bản thân của từng nhân viên.

### **51. Môn học: Hành vi khách hàng (Consumer behavior)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Marketing căn bản, Thống kê, Quản trị học, Đạo đức trong kinh doanh, Kỹ năng giao tiếp
- Mô tả nội dung môn học: Nghiên cứu hành vi khách hàng là giai đoạn quyết định đến việc xác định được nhu cầu tiêu dùng của khách hàng giúp doanh nghiệp lựa chọn đúng phân khúc khách hàng mục tiêu, định vị đúng sản phẩm/thương hiệu trên thị trường và có các chiến lược, kế hoạch hiệu quả trong Marketing cũng như sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu hành vi khách hàng sau mua tác động để hiệu quả các chiến lược duy trì khách hàng, khách hàng trung thành và sự quay lại của khách hàng. Phương pháp tốt nhất để sinh viên tiếp cận kiến thức và thực hành kỹ năng trong môn học này là phương pháp suy luận, phản biện, nghĩa là sinh viên lắng nghe giảng viên trình bày vấn đề và từ đó suy luận ra vấn đề cần nắm bắt, đồng thời biết cách đặt lại các câu hỏi để làm rõ hay phát triển vấn đề giảng viên trình bày, thực hành các tình huống thực tế. Môn học này sẽ giúp người học nhận biết, đánh giá tâm lý và hành vi khách hàng, biết cách tìm hiểu và nghiên cứu tâm lý và hành vi của khách hàng cho một thương hiệu hay sản phẩm/dịch vụ cụ thể để; từ đó định vị đúng thương hiệu, sản phẩm/dịch vụ trên thị trường, xác định đúng khách hàng mục tiêu và tiềm năng. Theo đó, người học sẽ áp dụng vào công việc thực tế như xây dựng những chiến lược, kế hoạch Marketing phù hợp với tâm lý và hành vi tiêu dùng của phân khúc khách hàng mục tiêu và tiềm năng.

Với những nội dung trên, môn học này không chỉ dành cho những người mong muốn nghiên cứu, thực hành chuyên sâu về nghiên cứu hành vi khách hàng, nghiên cứu thị trường, mà dành cho tất cả những ai đang và sẽ làm quản lý cấp thấp trong các doanh nghiệp như trợ lý quản lý nhân, trưởng nhóm nhân, và củng cố kiến thức nền tảng cho những quản lý cấp cao về Marketing mà chưa được bài bản trước đó.

Mục tiêu môn học: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để nhận biết và hiểu những yếu tố tác động đến tâm lý và hành vi khách hàng, mối quan hệ giữa chúng, hiểu quy trình ra quyết định mua của khách hàng, từ đó áp dụng vào định vị và phân khúc khách hàng. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức và tâm lý và hành vi khách hàng sau mua, sử dụng sản phẩm/dịch vụ.

## **52. Môn học: Quản trị thương hiệu (Brand management)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Marketing căn bản, Thống kê, Quản trị học, Đạo đức trong kinh doanh, Kỹ năng giao tiếp

- Mô tả nội dung môn học: Đây là môn học trang bị cho sinh viên có được kiến thức và kỹ năng chuyên sâu và thực tế về các hoạt động xây dựng & phát triển thương hiệu. Để học tốt môn này, ngoài giờ học trên lớp, sinh viên cần tự nghiên cứu, tìm tòi và tham dự các hội thảo về thương hiệu để cập nhật xu hướng, công nghệ truyền thông mới. Môn học này sẽ giúp cho sinh viên theo đuổi nghề marketing, thương hiệu chuyên nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Mục tiêu môn học: Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức, kỹ năng hoạch định xây dựng thương hiệu trong thực tiễn và có thể bắt tay ngay trong việc triển khai các hoạt động xây dựng & phát triển thương hiệu tại doanh nghiệp. Môn học này sẽ giúp cho sinh viên theo đuổi nghề marketing, thương hiệu chuyên nghiệp sau khi tốt nghiệp.

## **54. Môn học: Quản trị truyền thông (Marcom management)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Nghiên cứu marketing, Quản trị marketing
- Mô tả nội dung môn học: Đây là môn học trang bị cho sinh viên có được kiến thức và kỹ năng chuyên sâu và thực tế về các hoạt động truyền thông tiếp thị triển khai trong thực tiễn. Để học tốt môn này, ngoài giờ học trên lớp, sinh viên cần tự nghiên cứu, tìm tòi và tham dự các hội thảo về quảng cáo, truyền thông để cập nhật xu hướng, công nghệ truyền thông mới. Môn học này sẽ giúp cho sinh viên theo đuổi nghề marketing chuyên nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Mục tiêu môn học: Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về truyền thông tiếp thị. Kết thúc môn học sinh viên sẽ hiểu rõ công việc, nhiệm vụ của một nhân viên Marketing trong thực tiễn hoạt động kinh doanh và có thể triển khai các hoạt động truyền thông tiếp thị tại doanh nghiệp.

## **53. Môn học: Thương mại điện tử (Ecommerce)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học
- Mô tả nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và tổng quan về TMĐT, ví dụ như hiểu được TMĐT là gì, các mô hình TMĐT, cơ hội và nguy cơ, rủi ro khi ứng dụng TMĐT. Kỹ thuật lập bộ chứng từ trong kinh doanh xuất nhập khẩu. Cách tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất, nhập khẩu. Cách thức khai báo và thông quan cho hàng xuất nhập khẩu.

Mục tiêu môn học: Giúp sinh viên hiểu và biết các hoạt động liên quan đến phát triển hệ thống TMĐT; Có thái độ quan tâm, thích thú và cảnh giác đúng mức với các vấn đề liên

quan đến TMDT; Có kỹ năng phân tích và đánh giá các mô hình, các cơ hội kinh doanh, lựa chọn các giải pháp, công nghệ, phương tiện và cách thức thực hiện các hoạt động trong TMDT; Có kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh và xây dựng dự án phát triển kinh doanh TMDT.

#### **54. Môn học: Quan hệ công chúng (Public Relation)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị truyền thông, Hành vi KH

Mô tả nội dung môn học: Quan hệ công chúng là môn học nghiên cứu về việc quản lý truyền thông, danh tiếng hình ảnh và các mối quan hệ của một doanh nghiệp. Môn học liên quan đến cách thức thu hút và duy trì sự ủng hộ của khách hàng, nhân viên, các nhà đầu tư, cộng đồng và các đối tượng khác có liên quan mật thiết đến sự thành công của một doanh nghiệp. Môn học sẽ trang bị cho sinh viên cách lập kế hoạch và phát triển những chiến lược quan hệ công chúng, và cách đưa các chiến lược đó vào kế hoạch hành động và đo lường hiệu quả của chúng. Môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng viết thông cáo báo chí về sản phẩm, về hoạt động truyền thông của doanh nghiệp. Ngoài ra môn học còn giúp sinh viên quản trị các mối quan hệ với các cổ đông và những người ra quyết định quan trọng nhất.

#### **55. Môn học: Quản trị sản xuất (Production and operations management - pom)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Hành vi KH, Nghiên cứu Marketing

Mô tả nội dung môn học: Marketing kỹ thuật số là phương pháp kinh doanh, quảng bá thương hiệu hữu hiệu mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng phải hướng tới trong tương lai. E-Marketing là một môn học thuộc lĩnh vực nghiên cứu thị trường và nghệ thuật kinh doanh. Marketing kỹ thuật số sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức, phương pháp, nghệ thuật trong Marketing kỹ thuật số và thương mại điện tử trong sản xuất, du lịch, dịch vụ.

- Sau khi hoàn thành môn học sinh viên được cập nhật những kiến thức và kỹ năng mới nhất trong lĩnh vực Marketing kỹ thuật số, phân biệt Marketing kỹ thuật số và marketing truyền thống, các chức năng của Marketing kỹ thuật số đối với doanh nghiệp sản xuất, du lịch, dịch vụ, các chiến lược Marketing kỹ thuật số: thiết kế sản phẩm, phương pháp định giá, phân phối, học cách xây dựng một kế hoạch marketing kỹ thuật số

#### **56. Môn học: Quản trị bán hàng (Sales management)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học, Marketing căn bản
- Mô tả nội dung môn học: Bán hàng là giai đoạn quyết định đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Làm thế nào để chuyển hàng hóa từ nơi sản xuất hoặc phân phối đến tay người tiêu dùng một cách hiệu quả và tối ưu nhất cho doanh nghiệp? Làm sao để trang bị

kiến thức, kỹ năng và động viên lực lượng bán hàng hoàn thành mục tiêu kinh doanh của tổ chức và duy trì lực lượng này ổn định hơn, chuyên nghiệp hơn trong một môi trường kinh doanh đầy biến động và áp lực cạnh tranh ngày một gay gắt như hiện nay? Môn học Quản trị bán hàng sẽ giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực bán hàng vào thực tế sau khi ra trường. Nội dung môn học được tóm lược trong những phần sau:

- + Lịch sử bán hàng, các khái niệm về bán hàng và quản trị bán hàng cũng như vai trò vị trí và mối quan hệ của quản trị bán hàng với các lĩnh vực khác trong hoạt động kinh doanh của mỗi tổ chức.

- + Phân tích về môi trường bán hàng, phân tích nội bộ bán hàng, sản phẩm kinh doanh, khách hàng hiện tại và tương lai, các lực lượng tham gia vào quá trình bán hàng, kênh phân phối để từ đó thiết lập các chiến lược bán hàng tối ưu cho doanh nghiệp.

- + Thực hiện kế hoạch bán hàng như: lập kế hoạch bán hàng, tổ chức và triển khai kế hoạch này vào thực tiễn doanh nghiệp.

- + Động viên lực lượng bán hàng, hoàn thiện các kỹ năng trong bán hàng và thiết lập các kênh phân phối phù hợp cho tổ chức.

- + Hoạt động kiểm tra trong bán hàng, những nội dung cần được kiểm tra và các hoạt động điều chỉnh sau kiểm tra.

Mục tiêu môn học: Sau khi kết thúc môn học Quản trị bán hàng, sinh viên nhận thức rõ được bán hàng là giai đoạn quyết định đến hiệu quả hoạt động của một tổ chức kinh doanh. Do đó, sinh viên sẽ hiểu rõ vai trò, vị trí của bán hàng và quản trị bán hàng trong tổng thể hoạt động của tổ chức và mối quan hệ của chúng với nhau. Sinh viên nắm vững kiến thức và kỹ năng về quản trị bán hàng trong việc phân tích môi trường bán hàng, sản phẩm trong hoạt động bán hàng, khách hàng, phân tích và xây dựng kênh phân phối, phân tích và xây dựng lực lượng bán hàng, thiết lập chiến lược và kế hoạch bán hàng, triển khai bán hàng và kiểm tra đánh giá trong công tác bán hàng nhằm đạt được 2 mục tiêu chính: Đạt được mục tiêu kinh doanh của tổ chức và xây dựng bộ máy bán hàng hiệu quả phù hợp với sự phát triển, vận động của xu thế kinh tế trong thời kỳ hội nhập.

### **57. Môn học: *Quảng cáo và khuyến mãi (Commercial and Promotion)***

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Hành vi KH, Nghiên cứu Marketing
- Mô tả nội dung môn học: Quảng cáo và khuyến mãi là 2 trong số 5 công cụ của tuyên truyền marketing tích hợp. Môn học sẽ cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng thực hành về QC & KM trong môi trường quan trực tiếp đến việc thực hiện các chiến lược marketing của doanh nghiệp. Môn học sẽ giới thiệu vai trò của quảng cáo – khuyến mãi đối với IMC cũng như đối với các chiến lược Marketing. Người học sẽ được tiếp cận việc phân tích các cơ hội để chiêu thị, thiết lập mục tiêu và ngân sách cho QC & KM, phân tích

thành công và thất bại một kế hoạch QC & KM. Nội dung chính của môn học sẽ tập trung vào việc cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng để thực hiện một kế hoạch QC & KM phù hợp với mục tiêu đặt ra, khả năng đánh giá hiệu quả của một chương trình QC & KM.

**58. Môn học: Marketing quốc tế (International Marketing)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Nghiên cứu Marketing, Hành vi KH, Quản trị học

- Mô tả nội dung môn học: Môn học trình bày về khái niệm, bản chất, mục tiêu của marketing quốc tế. Các nội dung cốt lõi bao gồm: Môi trường marketing: Nhận dạng và phân tích môi trường marketing quốc tế; Nghiên cứu thị trường: Nắm bắt nhu cầu khách hàng quốc tế bao gồm nhu cầu hiện tại và xu hướng biến động của nhu cầu; Kế hoạch hóa chiến lược marketing: Thiết lập kế hoạch thâm nhập thị trường quốc tế; marketing xuất nhập khẩu; Chiến lược thâm nhập thị trường quốc tế; Chiến lược sản phẩm; chiến lược giá; chiến lược phân phối; truyền thông tích hợp; và marketing quốc tế trong dịch vụ. Sau khi học xong, sinh viên có thể phân tích được các cơ hội thị trường, khám phá nhu cầu của khách hàng quốc tế, xây dựng được chiến lược và triển khai các kế hoạch marketing nhằm thâm nhập thị trường quốc tế.

**59. Môn học: Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh (Negotiating skills in business)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Kinh doanh quốc tế, Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh

- Mô tả nội dung môn học: Môn học này được thiết kế giúp sinh viên có kiến thức đàm phán kinh doanh: các yếu tố cấu thành tình huống đàm phán và đàm phán kinh doanh quốc tế, chiến thuật và chiến lược sử dụng đàm phán, văn hóa trong đàm phán kinh doanh, qui trình đàm phán, quyền lực và ảnh hưởng trong đàm phán kinh doanh.

**60. Môn học: Marketing công nghiệp (B2B Marketing)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 03; Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Nghiên cứu Marketing, Hành vi KH, Quản trị học

Mô tả nội dung môn học: Sau khi hoàn thành khóa học sinh viên sẽ có thể: miêu tả những ứng dụng, thách thức và môi trường năng động của Marketing công nghiệp, thiết kế những chiến lược và cấu trúc để phục vụ hiệu quả thị trường B2B, áp dụng một cách tiếp cận có hệ thống vào việc giải quyết các vấn đề và quá trình đưa ra quyết định trong các tổ chức kinh doanh thông qua việc nghiên cứu các case study, phát triển một chiến lược marketing kinh doanh cho một công ty thực tế tại địa phương có khách hàng là doanh nghiệp tổ chức.

- Môn học sẽ tìm hiểu và thị trường công nghiệp (giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp), bao gồm hiểu biết về bản chất đặc trưng của nhu cầu khách hàng doanh nghiệp, những điểm phức tạp trong việc phát triển một chiến lược Marketing B2B hiệu quả. Sinh viên sẽ có cơ hội tìm hiểu về hành vi mua hàng của tổ chức và những đặc trưng đặc biệt của riêng khách hàng B2B và sẽ biết cách thiết kế ra những chiến lược và bài thuyết trình để quảng bá có hiệu quả đến đối tượng khách hàng này.

**61. Môn học: Quản trị đa văn hóa (Multi Culture Management)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 01)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học căn bản
- Mô tả nội dung môn học: Những vấn đề cơ bản về quản trị đa văn hóa: văn hóa kinh doanh, văn hóa dân tộc trong kinh doanh, các loại hình văn hóa kinh doanh, giao tiếp xuyên văn hóa, quản trị đa văn hóa trong các công ty đa quốc gia, đặc tính văn hóa kinh doanh của một số nước

**62. Môn học: Quản trị khởi nghiệp (ENTREPRENEURIAL MANAGEMENT)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 01)
  - Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học Môn học tích hợp lý thuyết, giảng viên khách mời, thực hành và thăm quan thực tiễn này sẽ giúp người học hiểu bản chất, và bước đầu thực hành cách thức sử dụng những mô hình, công cụ và phương pháp quan trọng đối với việc tạo ra những công ty khởi nghiệp và phát triển những thương vụ đổi mới trong các tổ chức lớn. Bên cạnh việc hiểu được bối cảnh thế giới đổi mới và khởi nghiệp đương đại, hệ sinh thái khởi nghiệp, tư duy thiết kế và những xu thế công nghệ, người học sẽ nắm bắt được những kỹ năng căn bản cho khởi nghiệp gồm: Lên ý tưởng và giải quyết vấn đề, tiếp thị ý tưởng và hình thành mạng lưới, thiết lập mô hình kinh doanh, huy động và thoái vốn, marketing và phát triển khách hàng, xây dựng công ty và văn hóa doanh nghiệp, quản trị sự bất trắc và cơ hội.

**63. Môn học: Kiến tập (Corporate field trip)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 01; Thực hành: 01)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học căn bản
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức bổ trợ. Nội dung môn học gồm 2 phần. Phần 1 là những vấn đề lý thuyết về kiến tập để cho sinh viên thấy được mục đích, yêu cầu và những vấn đề sinh viên cần viết thu hoạch sau khi kiến tập. Phần 2 đi kiến tập thực tế tại các doanh nghiệp và được hướng dẫn trực tiếp bởi giảng viên và hướng dẫn viên và viết báo cáo thu hoạch

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về tổ chức của các doanh nghiệp, thấy được thực tế các hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp, cách thức vận hành thực tế của doanh nghiệp, làm cơ sở học tập các môn chuyên ngành và thực hành thực tế sau khi ra trường.

#### **64. Thực tập tốt nghiệp**

- Tên môn học: Thực tập tốt nghiệp  
Tên tiếng Anh: Graduation internship
- Số tín chỉ: 04 (Lý thuyết: 01; Thực hành: 03)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Đã tích lũy được tối thiểu 100 tín chỉ toàn Khóa học.

- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức tốt nghiệp. Môn học được tổ chức thực tập tập trung tại các tổ chức nhằm giúp sinh viên có điều kiện khảo sát thực tế hệ thống kinh doanh và quản lý, quan sát và ghi nhận những thay đổi trong thực tiễn, đối chiếu và so sánh sự phù hợp với các kiến thức đã học tại trường Đại học, tiếp cận các điều kiện kinh doanh mà lý thuyết chưa đề cập đến hoặc chưa cập nhật đầy đủ. Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ được giảng viên hướng dẫn tìm hiểu, phân tích và đánh giá những vấn đề lý thuyết đang vận dụng trong thực tế. Tại đơn vị thực tập, sinh viên cũng được quản lý và hướng dẫn bởi cán bộ cơ sở. Cuối kỳ thực tập, sinh viên có nhiệm vụ hoàn thành Báo cáo thực tập tốt nghiệp dưới sự xác nhận, đánh giá của cơ sở thực tập và giảng viên trực tiếp hướng dẫn.

Môn học nhằm giúp sinh viên có điều kiện kết nối và đối sánh những kiến thức lý thuyết đã học với thực tiễn kinh doanh và marketing, tích lũy được những kiến thức thực tế cần thiết cho quá trình chuyển tiếp vào thị trường lao động sau khi tốt nghiệp; đồng thời nâng cao kỹ năng viết một Báo cáo tổng hợp trong kinh doanh.

#### **65. Khóa luận tốt nghiệp**

- Tên môn học: Khóa luận tốt nghiệp  
Tên tiếng Anh: Graduation thesis
- Số tín chỉ: 06
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Hoàn thành tất cả các môn học và tích lũy được 124 Tín chỉ toàn Khóa với kết quả học tập trung bình tối thiểu đạt từ loại Khá trở lên; đồng thời đáp ứng các yêu cầu khác theo quy định của trường Đại học Kinh tế - luật và Khoa Quản trị kinh doanh.

- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức tốt nghiệp. Nội dung khóa luận tốt nghiệp phản ánh những kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học thông qua những hiểu biết chuyên ngành và được chuyển tải thành những kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp được viết với việc tuân thủ chặt chẽ đạo đức học thuật. để viết khóa luận tốt nghiệp,

sinh viên sẽ có một thời gian liên hệ cơ sở thực tế để lấy số liệu hoặc khảo sát. Thời gian còn lại, sinh viên làm việc theo sự chỉ dẫn của giảng viên hướng dẫn để hoàn thiện Khóa luận. Sinh viên phải trải qua kỳ bảo vệ trước hội đồng chấm Khóa luận, được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng trường đại học Kinh tế-Luật.

Môn học nhằm giúp sinh viên không chỉ biết vận dụng kiến thức đã học vào một môi trường cụ thể, mà còn thể hiện khả năng liên kết những ý tưởng sáng tạo, thiết kế và vận hành chúng vào thực tiễn đời sống.

#### **66. Môn học: Chiến lược Marketing đa kênh (Multichannel Marketing Strategy)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 01; Thực hành: 1)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: quản trị chiến lược, quản trị marketing và quyền thông.
- Mô tả nội dung môn học: Chiến lược marketing đa kênh được thiết lập như một hướng dẫn chiến lược và thực tế để thiết kế, tiến hành và đo lường các sáng kiến tiếp thị đa kênh dành cho các thương hiệu B2C và B2B. Môn học được thiết kế để giảng dạy các nguyên tắc cơ bản của thế kỷ 21. Marketing dựa trên việc tạo ra trải nghiệm khách hàng liên tục, liền mạch trên các kênh truyền thống và kỹ thuật số. Môn học sẽ xem xét các chủ đề nền tảng của ba giai đoạn marketing: hành trình khách hàng mới, phát triển hành trình của khách hàng, và nội dung, kênh và đo lường hành trình của người tiêu dùng. Ngoài ra, môn học này sẽ xem xét các nguyên tắc của việc trả tiền, sở hữu và kiếm tiền từ marketing kỹ thuật số và vai trò của chẩn đoán các kênh để có được khách hàng mới. Môn học sẽ đòi hỏi sinh viên phát triển một kế hoạch thu hút khách hàng cho một công ty được lựa chọn trong việc vận dụng tích hợp các kênh marketing online và offline.

Mục tiêu môn học: Nhận thức rõ được kiến thức chung về chiến lược marketing đa kênh như bản chất, nội dung của marketing đa kênh, ý nghĩa của việc lập chiến lược marketing đa kênh và quy trình lập chiến lược marketing đa kênh. Đồng thời, hiểu rõ các nguyên tắc cơ bản của marketing đa kênh bao gồm: lập kế hoạch, phát triển, phối hợp và tối ưu hóa các sáng kiến đa kênh và hành trình tiêu dùng đang diễn ra trên các kênh. Nắm vững các khía cạnh tích hợp trong việc quản lý các mối quan hệ khách hàng, cách tiếp cận kiếm được (POE) để marketing đa kênh. Lập kế hoạch và phát triển phương pháp tiếp thị đa kênh với các chiến lược, hỗ trợ và các chiến thuật cụ thể để quản lý và tối ưu hóa hiệu quả khách hàng tiềm năng và khách hàng theo thời gian.

#### **67. Môn học: Lập kế hoạch marketing (Setting up marketing plan)**

- Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 01; Thực hành: 01)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Hoàn thành tất cả các môn học và tích lũy được 124 Tín chỉ toàn Khóa và không làm khóa luận tốt nghiệp.
- Mô tả nội dung môn học: Lập kế hoạch kinh doanh là môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp. Dưới sự hướng dẫn của GV, các nhóm SV (3-4 SV) xây dựng đề án có tính chất

như một kế hoạch marketing hàng năm hoặc marketing cho một sản phẩm, dịch vụ trong một thời kỳ với một mục tiêu cụ thể. Các nhóm lựa chọn cho mình một doanh nghiệp có thực hoặc một doanh nghiệp ảo với các ý tưởng kinh doanh cụ thể, sau đó sử dụng các kiến thức marketing đã học để lập kế hoạch marketing. Các ý tưởng phải mới, chưa từng thực hiện trên thị trường. Yếu tố khả thi và hiệu quả của đề án sẽ được nhấn mạnh...

**68. Môn học: Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing)**

- Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 02; Thực hành: 01)
- Mô tả nội dung môn học: Marketing kỹ thuật số là phương pháp kinh doanh, quảng bá thương hiệu hữu hiệu mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng phải hướng tới trong tương lai. Digital Marketing là một môn học thuộc lĩnh vực nghiên cứu thị trường và nghệ thuật kinh doanh. Marketing kỹ thuật số sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức, phương pháp, nghệ thuật trong Marketing kỹ thuật số và thương mại điện tử trong sản xuất, du lịch, dịch vụ

### 13) DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

#### 13.1) Danh sách giảng viên cơ hữu

##### Danh sách giảng viên cơ hữu đảm nhận các học phần chuyên ngành

| STT | Họ và tên, năm sinh          | Chức danh KH, năm công nhận | Học vị, năm công nhận | Ngành, chuyên ngành     | Học phần dự kiến đảm nhận                                            |
|-----|------------------------------|-----------------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1   | Phạm Đức Chính, 1959         | PGS, 2011                   | TS, 1998, TSKH, 2001  | Kinh tế và Quản lý      | Quản trị nguồn nhân lực                                              |
| 2   | Huỳnh Thanh Tú, 1963         |                             | TS, 2006              | Kinh tế và quản lý      | Nghệ thuật lãnh đạo                                                  |
| 3   | Phan Đình Quyền, 1961        |                             | TS, 1999              | Kinh tế                 | Văn hóa doanh nghiệp                                                 |
| 4   | Trần Thị Hồng Liên, 1983     |                             | TS, 2018              | Quản trị kinh doanh     | Quản trị nguồn nhân lực<br>Quản trị khởi nghiệp                      |
| 5   | Phùng Thanh Bình, 1984       |                             | TS, 2017              | Quản trị kinh doanh     | Quản trị chiến lược<br>Chiến lược Marketing đa kênh                  |
| 6   | Đỗ Đức Khả, 1965             |                             | ThS, NCS, 2006        | Quản trị kinh doanh     | Marketing quốc tế, Kỹ năng bán hàng, Marketing căn bản               |
| 7   | Trần Thị Ý Nhi, 1973         |                             | ThS, 2000             | Marketing               | Marketing căn bản, Quản trị Marketing, Marketing công nghiệp         |
| 8   | Võ Thị Ngọc Trinh, 1974      |                             | ThS, 2002             | Quản trị kinh doanh     | Nghiên cứu Marketing, Marketing căn bản                              |
| 9   | Nguyễn Khánh Trung, 1975     |                             | ThS, 2007             | Quản trị kinh doanh     | Quản trị bán hàng<br>Quản trị chiến lược,<br>Quản trị kênh phân phối |
| 10  | Đặng Ngọc Bích, 1988         |                             | ThS, 2013             | Quản trị kinh doanh     | Quảng cáo và khuyến mãi, Hành vi khách hàng                          |
| 11  | Nguyễn Thị Huyền Trang, 1989 |                             | ThS, 2014             | Quản trị kinh doanh     | Quan hệ công chúng, Marketing kỹ thuật số                            |
| 13  | Ngô Thị Dung                 |                             | ThS, 2017             | Quản trị kinh doanh     | Marketing căn bản<br>Marketing kỹ thuật số                           |
| 14  | Mai Thu Phương, 1986         |                             | ThS, 2013             | Quản trị nguồn nhân lực | Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh                                    |

|    |                               |  |           |                     |                                      |
|----|-------------------------------|--|-----------|---------------------|--------------------------------------|
| 15 | Cung Thục Linh                |  | ThS, 2017 | Quản trị kinh doanh | Hành vi khách hàng Marketing căn bản |
| 16 | Vũ Thị Hồng Ngọc              |  | ThS,      | Marketing           | Marketing căn bản Marketing quốc tế  |
| 17 | Nguyễn Hoàng Diễm Hương, 1987 |  | ThS, 2013 | Quản trị kinh doanh | Kỹ năng làm việc nhóm                |
| 18 | Nguyễn Thị Phương Thủy, 1987  |  | ThS, 2013 | Quản trị kinh doanh | Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh   |

**Danh sách giảng viên cơ hữu đảm nhận các học phần cơ sở khối ngành**

| STT | Họ và tên, năm sinh          | Chức danh KH, năm công nhận | Học vị, năm công nhận | Ngành, chuyên ngành                      | Học phần dự kiến đảm nhận |
|-----|------------------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------------------------|---------------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Kim Oanh,         |                             | ThS, NCS 2014         | Quản trị kinh doanh                      | Quản trị học              |
| 2   | Nguyễn Minh Châu, 1974       |                             | ThS, NCS, 2010        | Quản trị kinh doanh                      |                           |
| 3   | Trần Thị Hồng Liên, 1983     |                             | ThS, NCS, 2012        | Quản trị kinh doanh                      |                           |
| 4   | Nguyễn Thu Thủy Tiên, 1983   |                             | ThS, NCS, 2011        | Quản trị kinh doanh                      |                           |
| 5   | Nguyễn Thị Bình Minh, 1983   |                             | ThS, 2011             | Kinh tế tài chính- Ngân hàng             |                           |
| 6   | Hoàng Đoàn Phương Thảo, 1987 |                             | ThS, 2007             | Quản trị kinh doanh (tài chính)          |                           |
| 7   | Nguyễn Tiến Dũng, 1961       | PGS, 2012                   | Tiến sĩ, 1994         | Kinh tế học                              | Kinh tế vi mô             |
| 8   | Nguyễn Văn Luân, 1956        | PGS, 2002                   | Tiến sĩ, 1989         | Kinh tế chính trị                        | Kinh tế vĩ mô             |
| 9   | Phan Đức Dũng, 1967          | PGS, 2014                   | Tiến sĩ, 2003         | Kế toán                                  | Kế toán tài chính         |
| 10  | Dương Anh Sơn, 1964          | PGS, 2011                   | Tiến sĩ, 2002         | Luật thương mại quốc tế và Luật hợp đồng | Luật sở hữu trí tuệ       |

|    |                               |           |                       |                                                   |                                      |
|----|-------------------------------|-----------|-----------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 11 | Trương Trọng Hiếu             |           | Thạc sĩ,<br>2009,2015 | Luật kinh tế và<br>Luật so sánh                   | Luật Doanh<br>nghiệp                 |
| 12 | Nguyễn Thị Lan Anh,<br>1969   |           | Tiến sĩ, 2014         | Tài chính                                         | Nguyên lý kế<br>toán                 |
| 13 | Nguyễn Đình Uông,<br>1979     |           | Thạc sĩ, 2008         | Toán học ứng<br>dụng                              | Toán cao cấp                         |
| 14 | Huỳnh Tổ Uyên, 1985           |           | Thạc sĩ, 2010         | Toán-xác xuất<br>thống kê                         | Lý thuyết<br>xác xuất                |
| 15 | Ngô Cao Định, 1982            |           | Thạc sĩ, 2008         | Khoa học máy<br>tính                              | Tin học ứng<br>dụng                  |
| 16 | Hoàng Thọ Phú, 1971           |           | Thạc sĩ, 1996         | Quản trị kinh<br>doanh                            | Nguyên lý thị<br>trường tài<br>chính |
| 17 | Lê Anh Vũ, 1958               | PGS, 2006 | Tiến sĩ, 1990         | Hình học -<br>Toppo                               | Thống kê ứng<br>dụng                 |
| 18 | Nguyễn Duy Nhất,<br>1980      |           | Thạc sĩ, 2006         | Khoa học                                          | Hệ thống<br>thông tin kinh<br>doanh  |
| 19 | Nguyễn Thị Hồng<br>Hanh, 1983 |           | Tiến sĩ, 2013         | Ebusiness &<br>services                           | Thương mại<br>điện tử                |
| 20 | Trần Hùng Sơn, 1981           |           | Tiến Sĩ,<br>2013      | Kinh tế TCNH                                      | Quản trị tài<br>chính                |
| 21 | Trần Văn Đức                  |           | Tiến sĩ, 2000         | Kinh tế thế<br>giới và quan hệ<br>kinh tế quốc tế | Kinh tế quốc tế                      |
| 22 | Trần Thị Ánh, 1986            |           | Thạc sĩ, 2015         | Hệ thống thông<br>tin quản lý                     | Quản trị quan<br>hệ khách hàng       |

### 13.2) Danh sách giảng viên thỉnh giảng

| STT | Họ và tên, năm sinh | Chức danh khoa học, năm phong | Học phần dự kiến đảm nhiệm                   | Cơ quan công tác hiện tại      |
|-----|---------------------|-------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------|
| 1   | Lê Tuyết Ánh        | GVC.ThS                       | Tâm lý học<br>Nhập môn khoa học giao tiếp    | ĐH Khoa học XH & NV            |
| 2   | Đào Minh Hồng       | TS                            | Quan hệ quốc tế                              | ĐH Khoa học XH & NV            |
| 4   | Trần Nam Tiến       | PGS.TS                        | Địa chính trị thế giới                       | ĐH Khoa học XH & NV            |
| 5   | Phạm Đình Nghiệm    |                               | Logic học<br>Phương pháp nghiên cứu khoa học | ĐH Sài Gòn                     |
| 6   | Nguyễn Ngọc Thơ     | TS                            | Văn hóa học                                  | ĐH Khoa học XH & NV            |
| 7   | Phạm Khánh Bằng     | GVC.ThS                       | Đường lối CM ĐCSVN<br>Tur tưởng HCM          | Học viện hành chính khu vực II |

### 14) DANH SÁCH CỐ VẤN HỌC TẬP

- PGS. TS. Nguyễn Hải Quang
- ThS. Đỗ Đức Khả
- ThS. Trần Thị Ý Nhi
- ThS. Lê Thị Hà My
- ThS. Vũ Thị Hồng Ngọc
- ThS. Nguyễn Thị Yến
- ThS. Cung Thục Linh
- ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh
- ThS. Nguyễn Minh Châu
- ThS. Mai Thu Phương
- TS. Phùng Thanh Bình
- TS. Trần Thị Hồng Liên
- ThS. Nguyễn Hoàng Diễm Hương
- ThS. Nguyễn Minh Thoại
- ThS. Nguyễn Thị Bình Minh
- ThS. Nguyễn Thị Hồng Gấm
- ThS. Nguyễn Khánh Trung
- ThS. Nguyễn Thị Phương Thủy
- ThS. Hoàng Đoàn Phương Thảo

### 15) CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

#### 15.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính:

| TT | TÊN PTN     | ĐỊA ĐIỂM             | ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN  | GHI CHÚ |
|----|-------------|----------------------|------------------|---------|
| 1  | Phòng máy 1 | KP3, P.Linh Xuân, TĐ | Trường ĐHKT-Luật |         |
| 2  | Phòng máy 2 | KP3, P.Linh Xuân, TĐ | Trường ĐHKT-Luật |         |
| 3  | Phòng máy 3 | KP3, P.Linh Xuân, TĐ | Trường ĐHKT-Luật |         |
| 4  | Phòng máy 4 | KP3, P.Linh Xuân, TĐ | Trường ĐHKT-Luật |         |

#### 15.2. Thư viện

- Thư viện của Trường Đại học Kinh tế - Luật
- Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

### 15.3. Giáo trình, tập bài giảng:

| KIẾN THỨC CƠ BẢN |                                |                                                                 |                                                      |                                                                           |                                         |        |
|------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|
| STT              | TÊN MÔN HỌC                    | GIÁO TRÌNH CHÍNH                                                | TÀI LIỆU THAM KHẢO                                   | TÁC GIẢ                                                                   | NXB                                     | NĂM XB |
| 1                | Triết học Mác – Lênin          |                                                                 |                                                      |                                                                           |                                         |        |
| 2                | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh                                 |                                                      | Bộ Giáo dục và đào tạo                                                    | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội          | 2006   |
| 3                | Kinh tế chính trị              |                                                                 |                                                      |                                                                           |                                         |        |
| 4                | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam |                                                                 |                                                      |                                                                           |                                         |        |
| 5                | Chủ nghĩa cộng sản khoa học    |                                                                 |                                                      |                                                                           |                                         |        |
| 6                | Địa chính trị thế giới         | Bài giảng Địa Chính trị thế giới                                |                                                      | Học Viện Chính trị Quốc Gia Hà Nội                                        |                                         | 2000   |
| 7                | Quan hệ quốc tế                | Bài giảng Nhập môn Quan hệ Quốc tế                              |                                                      | Hoàng Khắc Nam                                                            | Đại học Khoa học xã hội nhân văn Hà Nội | 2006   |
|                  |                                |                                                                 | Quan hệ quốc tế: Những khía cạnh lý thuyết và vấn đề | Nguyễn Quốc Hùng & Hoàng Khắc Nam                                         | NXB Chính trị quốc gia Hà Nội           | 2006   |
| 8                | Lịch sử văn minh thế giới      |                                                                 |                                                      |                                                                           |                                         |        |
| 9                | Tâm lý học                     | Giáo trình tâm lý học đại cương                                 |                                                      | Nguyễn Quang Uân                                                          | NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.             | 2012   |
| 10               | Văn hóa học                    | Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam                               |                                                      | GS. Trần Ngọc Thêm                                                        | NXB Giáo dục đào tạo Hà Nội             | 1997   |
| 11               | Cơ sở văn hóa Việt Nam         | Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam                               |                                                      | GS. Trần Ngọc Thêm                                                        | NXB Giáo dục đào tạo Hà Nội             | 1997   |
| 12               | Toán cao cấp                   | Toán cao cấp C1                                                 |                                                      | Nguyễn Thành Long                                                         | NXB ĐHQG HCM                            | 2004   |
|                  |                                |                                                                 | Toán cao cấp C2                                      | Nguyễn Đình Như                                                           | NXB ĐHQG HCM                            | 2005   |
| 13               | Tin học ứng dụng               | Giáo trình Tin học đại cương                                    |                                                      | KS. Nguyễn Thanh Hải                                                      | NXB Văn hóa thông tin                   | 2007   |
| 14               | Logic học                      | Giáo trình Logic học/HV Chính trị quốc gia HCM/Phân viện Hà Nội |                                                      | PGS.TS.Lê Doãn Tá, GS.TS. Tô Duy Hợp, PGS.TS. Vũ Trọng Dung đồng chủ biên | NXB Chính trị Quốc gia                  | 2004   |

| KIẾN THỨC CƠ BẢN |                              |                                      |                                                |                                            |                              |        |
|------------------|------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------|--------|
| STT              | TÊN MÔN HỌC                  | GIÁO TRÌNH CHÍNH                     | TÀI LIỆU THAM KHẢO                             | TÁC GIẢ                                    | NXB                          | NĂM XB |
| 15               | Kinh tế học vi mô            | Kinh tế vi mô                        |                                                | TS. Lê Bảo Lâm chủ biên                    | NXB Thống kê                 | 2008   |
|                  |                              |                                      | Kinh tế học vi mô                              | PGS. TS Nguyễn Văn Luân                    | NXB Thống kê                 | 2004   |
| 16               | Kinh tế học vĩ mô            | Kinh tế học vĩ mô                    |                                                | PGS. TS Nguyễn Văn Luân                    | NXB Thống kê                 | 2004   |
| 17               | Kinh tế lượng                | Kinh tế lượng                        |                                                | Nguyễn Quang Đông                          | NXB Thống kê                 | 2007   |
| 19               | Nhân học đại cương           |                                      |                                                |                                            |                              |        |
| 20               | Thực hành văn bản tiếng Việt | Văn bản và liên kết trong tiếng Việt |                                                | Diệp Quang Ban                             | , Nxb. Giáo dục, Hà Nội      | 2005   |
|                  |                              |                                      | Soạn thảo văn bản và công tác văn thư lưu trữ, | Đồng Thị Thanh Phương – Nguyễn Thị Ngọc An | Nxb. Lao động xã hội, TP.HCM | 2006   |
|                  |                              |                                      | Tiếng Việt thực hành                           | Bùi Minh Toán- Lê A - Đỗ Việt Hùng         | Nxb. Giáo dục, Hà Nội        | 1998   |

| KIẾN THỨC CƠ SỞ KHỎI NGÀNH |                       |                                          |                                                       |                                                    |                                 |        |
|----------------------------|-----------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------|--------|
| STT                        | TÊN MÔN HỌC           | GIÁO TRÌNH CHÍNH                         | TÀI LIỆU THAM KHẢO                                    | TÁC GIẢ                                            | NXB                             | NĂM XB |
| 1                          | Marketing căn bản     | Principles of Marketing                  |                                                       | Philip Kotler and Gary Armstrong                   | Prentice-Hall                   | 2012   |
|                            |                       |                                          | Marketing căn bản (Sách của tập thể Bộ môn Marketing) | Phan Đình Quyền; Trần Thị Ý Nhi; Võ Thị Ngọc Trinh | NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM          | 2013   |
| 2                          | Quản trị học căn bản  | Quản trị học                             |                                                       | TS. Phạm Thế Tri                                   | NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM          | 2016   |
|                            |                       |                                          | Những vấn đề cốt yếu của quản lý                      | Harold Koontz, Cyril Odonnell, Heinz Weihrich      | NXB Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội | 1992   |
| 3                          | Quản trị tài chính    | Quản trị tài chính – Bản dịch tiếng Việt |                                                       | Brigham và Houston                                 | NXB Cengage                     | 2013   |
|                            |                       |                                          | Fundamentals of Corporate Finance                     | Ross, Westerfield, Jordan                          | NXB mcgraw-Hill                 | 2006   |
| 4                          | Nguyên lý kế toán     | Kế toán đại cương:                       | Bộ môn KTKT                                           | Phạm Gặp                                           | NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM          | 2016   |
| 5                          | Kỹ năng làm việc nhóm | Kỹ năng làm việc nhóm                    |                                                       | Huỳnh Văn Sơn                                      | NXB Trẻ                         | 2014   |
|                            |                       |                                          | Teamwork Makes The Dreamwork                          | John C. Maxwell                                    | W Publishing Group              | 2002   |

| KIẾN THỨC CƠ SỞ KHỎI NGÀNH |                                |                                                          |                                            |                                                         |                              |        |
|----------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------|--------|
| STT                        | TÊN MÔN HỌC                    | GIÁO TRÌNH CHÍNH                                         | TÀI LIỆU THAM KHẢO                         | TÁC GIẢ                                                 | NXB                          | NĂM XB |
| 6                          | Quản trị chiến lược            | Khái luận về quản trị chiến lược                         |                                            | Fred R. David                                           | NXB Thống kê, Hà nội         | 2000   |
|                            |                                |                                                          | Giáo trình Quản trị chiến lược             | Ngô Kim Thanh                                           | NXB Đại học Kinh tế quốc dân | 2013   |
| 7                          | Lý thuyết xác suất             | Giáo trình xác suất thống kê                             |                                            | Tổng Đình Quỳnh                                         | NXB ĐHQG HCM                 | 2003   |
| 8                          | Thống kê ứng dụng              | Giáo trình Lý thuyết thống kê                            |                                            | Hà Văn Sơn                                              | NXB Thống kê                 | 2004   |
|                            |                                |                                                          | Giáo trình xác suất - thống kê và ứng dụng | Nguyễn Phú Vinh                                         | NXB Thống kê                 | 2007   |
| 9                          | Nguyên lý thị trường tài chính | Các nguyên lý tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính, |                                            | Nguyễn Văn Luân, Trần Viết Hoàng, Cung Trần Việt        | NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM       | 2007   |
| 10                         | Kế toán tài chính              |                                                          | Kế toán tài chính                          | Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế – Luật | NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM       | 2016   |

| KIẾN THỨC CHUYÊN SÂU CỦA NGÀNH |                         |                                                                     |                                                                                              |                                                  |                                      |        |
|--------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------|--------|
| STT                            | TÊN MÔN HỌC             | GIÁO TRÌNH CHÍNH                                                    | TÀI LIỆU THAM KHẢO                                                                           | TÁC GIẢ                                          | NXB                                  | NĂM XB |
| 1                              | Quản trị nguồn nhân lực | Quản trị nguồn nhân lực: Lý thuyết, thực tiễn và những mẫu hình mới |                                                                                              | Amitabha Sengupta (Bản dịch của Khoa QTKD – UEL) | SAGE                                 | 2019   |
|                                |                         |                                                                     | Quản trị nguồn nhân lực                                                                      | Trần Kim Dung                                    | NXB Tổng hợp TP.HCM                  | 2011   |
|                                |                         |                                                                     | Mối quan hệ giữa động lực làm việc và sự hài lòng công việc của cán bộ, công chức ở Việt Nam | Phạm Đức Chính                                   | Nxb Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh. | 2016   |
| 2                              | Quản trị thương hiệu    | Strategic Brand Management, 4th edition                             |                                                                                              | Kevin Lane Keller                                | Prentice Hall                        | 2012   |
|                                |                         |                                                                     | The New Strategic Brand Management: Advanced Insights and Strategic Thinking (New            | Jean-Noel Kapferer                               | Kogan Page                           | 2012   |

| KIẾN THỨC CHUYÊN SÂU CỦA NGÀNH |                               |                                            |                                                                      |                                                      |                                         |        |
|--------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|
| STT                            | TÊN MÔN HỌC                   | GIÁO TRÌNH CHÍNH                           | TÀI LIỆU THAM KHẢO                                                   | TÁC GIẢ                                              | NXB                                     | NĂM XB |
|                                |                               |                                            | Strategic Brand Management: Creating & Sustaining Brand Equity)      |                                                      |                                         |        |
| 3                              | Quản trị truyền thông         | Integrated Marketing Communications        |                                                                      | David Pickton & Amanda Broderick                     | Prentice Hall                           | 2007   |
|                                |                               |                                            | Advertising and Promotion – An integrated communications perspective | George E. Belch, Michael A. Belch                    | McGraw-Hill                             | 2007   |
| 4                              | Quản trị Marketing            | Quản trị Marketing                         |                                                                      | Philip Kotler                                        | NXB Lao động- Xã hội                    | 2013   |
|                                |                               |                                            | Quản trị Marketing                                                   | Trương Đình Chiến                                    | NXB Kinh tế quốc dân                    | 2013   |
| 5                              | Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo | Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo              |                                                                      | TS. Huỳnh Thanh Tú                                   | NXB ĐHQG TP.HCM                         | 2013   |
|                                |                               |                                            | Nghệ thuật và phương pháp lãnh đạo doanh nghiệp                      | Lê Anh Cường, Nguyễn Thị Lệ Huyền                    | Nhà xuất bản Lao động Xã hội            | 2004   |
|                                |                               |                                            | Nghệ thuật và phương pháp lãnh đạo doanh nghiệp.)                    | Lê Anh Cường, Nguyễn Thị Lệ Huyền                    | Nhà xuất bản Lao động Xã hội.           | 2004   |
| 6                              | Quản trị bán hàng             | Quản trị bán hàng (sách dịch)              |                                                                      | Jamers M.Comer                                       | NXB Tp. Hồ Chí Minh                     | 2005   |
|                                |                               |                                            | Quản trị bán hàng                                                    | Nguyễn Khánh Trung & Võ Thị Ngọc Thúy                | NXB Đại học Quốc gia TP. HCM            | 2015   |
|                                |                               |                                            | Quản trị bán hàng                                                    | James M.Comer                                        | NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh            | 2005   |
| 7                              | Marketing công nghiệp         | <i>Business Marketing. 4th edition</i>     |                                                                      | Dwyer, R and J Tanner                                | New York: McGraw-Hill Irwin             | 2009   |
|                                |                               | <i>Marketing Công nghiệp</i>               |                                                                      | Hồ Thanh lan                                         | Giao thông vận tải                      | 2008   |
| 8                              | Marketing quốc tế             | <i>Global Marketing. 6th edition</i>       |                                                                      | Warren, J.K & Mark, C.G                              | Pearson Education, Inc., Prentice Hall. | 2011   |
|                                |                               |                                            | <i>Giáo trình Marketing quốc tế</i>                                  | Nguyễn Trung Văn, Nguyễn Thanh Bình & Phạm Thu Hương | Đại học Ngoại thương                    | 2008   |
| 9                              | Quản trị truyền thông         | <i>Integrated Marketing Communications</i> |                                                                      | David Pickton & Amanda Broderick                     | Prentice Hall                           | 2017   |

| KIẾN THỨC CHUYÊN SÂU CỦA NGÀNH |                       |                                                                                                                |                                                                            |                                                    |                                  |        |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------|--------|
| STT                            | TÊN MÔN HỌC           | GIÁO TRÌNH CHÍNH                                                                                               | TÀI LIỆU THAM KHẢO                                                         | TÁC GIẢ                                            | NXB                              | NĂM XB |
|                                |                       |                                                                                                                | <i>Các kỹ năng tiếp thị hiệu quả</i>                                       | Harvard Business Essentials                        | First News và NXB Tổng hợp TPHCM | 2007   |
| 10                             | Thương mại điện tử    | Electronic Commerce: A Managerial Perspective                                                                  |                                                                            | Turban, E. et al                                   | USA: Pearson Prentice Hall       | 2006   |
|                                |                       |                                                                                                                | E-Marketing, 2nd edition                                                   | Strauss, J. and Frost, R.                          | USA: Prentice Hall               | 2001   |
| 11                             | Hành vi khách hàng    | Consumer Behavior: Buying, Having and Being                                                                    |                                                                            | Michael R. Solomon                                 | Pearson                          | 2016   |
|                                |                       |                                                                                                                | Giáo trình Hành vi người tiêu dùng                                         | Vũ Huy Thông                                       | ĐH Kinh tế Quốc dân              | 2010   |
| 12                             | Marketing dịch vụ     | <i>Integrating Customer Focus across the Firm, edition</i>                                                     |                                                                            | Zeithaml, V. A., Bitner, M. J., & Gremler, D. D.   | McGraw-Hill Irwin. New York.     | 2017   |
|                                |                       |                                                                                                                | <i>Giáo trình Marketing dịch vụ</i>                                        | TS. Nguyễn Thượng Thái                             | Bưu điện                         | 2006   |
| 13                             | Quan hệ công chúng    | <i>Public Relations: Strategies and Tactics, 11th edition (Bộ môn Marketing chuẩn bị dịch sang tiếng Việt)</i> |                                                                            | <i>Dennis L. Wilcox et al</i>                      | NXB Pearson                      | 2015   |
|                                |                       |                                                                                                                | <i>Cẩm nang quản lý – Khách hàng là trên hết (Putting customers first)</i> | Bruce, A. và Langdon, K. (Lê Ngọc Phương Anh dịch) | Nhà xuất bản tổng hợp thành      | 2006   |
| 14                             | Marketing kỹ thuật số | <i>Digital Marketing</i>                                                                                       |                                                                            | Tracy Tuten Michael R. Solomon                     | Pearson Eds.                     | 2015   |
|                                |                       |                                                                                                                | <i>Marketing kỹ thuật số</i>                                               | Nguyễn Bách Khoa                                   | NXB thống kê                     | 2009   |
| 15                             | Nghiên cứu marketing  | <i>Marketing Research, 7th edition</i>                                                                         |                                                                            | Alvin C Burns                                      | NXB Pearson                      | 2013   |
|                                |                       |                                                                                                                | <i>Giáo trình Nghiên cứu Thị trường</i>                                    | PGS.TS.Nguyễn Đình Thọ, TS.Nguyễn Thị Mai Trang    | Nhà xuất bản ĐHQG TP.HCM         | 2007   |
| 16                             | Quản trị khởi nghiệp  | <i>The Startup Equation: A Visual Guidebook to Building Your Startup.</i>                                      |                                                                            | Steve Fisher and Ja-Nae Duane                      | New York: McGrawHill             | 2016   |

| KIẾN THỨC CHUYÊN SÂU CỦA NGÀNH |                                     |                                                                                                                 |                                                                   |                                    |                                 |        |
|--------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|--------|
| STT                            | TÊN MÔN HỌC                         | GIÁO TRÌNH CHÍNH                                                                                                | TÀI LIỆU THAM KHẢO                                                | TÁC GIẢ                            | NXB                             | NĂM XB |
|                                |                                     |                                                                                                                 | <i>The Lean Startup</i>                                           | Ries, E.                           | New York, N.Y.: Crown Business. | 2011   |
| 17                             | <b>Chiến lược marketing đa kênh</b> | Effective Multichannel Marketing: Integrate Paid, Owned, Earned Channels and Maximize the Digital Marketing Mix |                                                                   | Ann Stanley                        | NXB Tài chính                   | 2019   |
|                                |                                     |                                                                                                                 | Digital Adaption                                                  | Paul Boag                          | Smashing magazine               | 2014   |
|                                |                                     |                                                                                                                 | Marketing Strategy                                                | O.C.Ferrell và Michael D. Hartline | Cengage Publisher.              | 2017   |
| 18                             | <b>Lập kế hoạch Marketing</b>       | Lập kế hoạch marketing hiệu quả                                                                                 |                                                                   | Rabit Bhargava                     | NXB Phụ Nữ.                     | 2019   |
|                                |                                     |                                                                                                                 | Marketing Plans: How to prepare them, how to profit from them     | Malcolm McDonald, Hugh Wilson      | Cengage Publisher               | 2016   |
|                                |                                     |                                                                                                                 | Kế hoạch marketing trên một trang giấy; Người dịch Lê Thị Mỹ Linh | Alan DiB                           | NXB Alphabook và NXB Lao Động   | 2017   |

## 16) HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Trên cơ sở những Quy định chung Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh, Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh theo Hệ đào tạo Tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường, các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm).

Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.

Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.

Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.

Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

**TM. KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH  
PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH**



**HUỲNH THANH TÚ**



**NGUYỄN TIẾN DŨNG**